



# GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN VIMUTTI MAGGA

*Thiền Nhứt chuyển dịch sang tiếng Việt*



## **Phẩm 12: Phân biệt Đế**

### **Chi 1: Phân biệt Trí, Khởi diệt Trí, Quán diệt Trí.**

Vào thời đó, người tọa thiền đã hiểu rõ *ám*, *giới*, *nhập*, *nhân duyên* và *đế*, đã nghe nói đến hạnh đầu-đà và thiền rồi.

Phàm phu vì chưa được giải thoát nên còn lo sợ về sự tái sanh vào các nẻo dữ, do quán tưởng về các nẻo dữ, về sự sanh tử từ thuở vô thủy (= chẳng biết được lúc mới bắt đầu), về một sát-na (= đơn vị thời gian hết sức ngắn) chẳng thể đắc được, về thí dụ ba trăm mâu kích nhọn, về thí dụ muốn cứu lửa đang cháy trên đầu, mà còn chưa thông hiểu *Bốn Thánh đế*, thì phải khởi lòng mong muốn, tinh tấn đồng mãnh, chuyên tâm trì niệm đầy đủ, để có thể phân biệt rõ ràng Bốn Thánh đế.

*Hỏi*: Như thế, phải làm thế nào?

*Đáp*: Người tọa thiền đó trước hết, nên nghe giảng về Bốn Thánh đế hoặc tóm tắt, hoặc nói rộng, hoặc vừa tóm vừa rộng, rồi do theo lời văn, do nơi nghĩa kinh, do sự đọc tụng mà gắng thọ trì.

Vào thời đó, người tọa thiền đi đến nơi yên tĩnh, ngồi xuống, tâm chẳng tới lui, chẳng loạn động, lòng khởi lên niệm Bốn Thánh đế. Trước như về Khổ đế, nên khởi niệm hoặc qua *ám*, hoặc qua *nhập*, hoặc qua *ám giới pháp*. Về *ám*, khởi lên ý tưởng về các ám tương ưng theo tự tướng, đúng như đã được giảng rõ về *Mục: Ám Phương tiện*. Về *nhập*, khởi lên ý tưởng về các nhập tương ưng với tự tướng, đúng như đã học về *Mục: Nhập Phương tiện*. Về *giới*, khởi lên ý tưởng về các giới tương ưng với tự tướng, đúng như đã nghe giảng rộng về *Mục: Giới Phương tiện*.

Người tọa thiền như thế đã hiểu rõ *ám*, *nhập*, *giới* rồi, biết rõ chỉ có *ám*, *nhập*, *giới* mà thôi, chớ chẳng hề có chúng sanh nào, chẳng hề có thọ mạng nào. Khi ý tưởng này đã khởi lên trong tâm, người tọa thiền đắc được hành và tướng.

Bây giờ, nói tóm lược lại thì chỉ có hai loại khởi lên: *danh* và *sắc*. Như thế, sắc ám, mười nhập, mười giới thuộc về *sắc*. Bốn ám kia, ý nhập và bảy giới thuộc về *danh*. Pháp nhập, pháp giới hoặc thuộc về *danh*, hoặc thuộc về *sắc*.

*Sắc* là *sắc*, còn *danh* là *danh*, hai thứ khác biệt hẳn. *Sắc* là không *danh*. *Danh* là không *sắc*. *Sắc* chẳng lià *danh*; *danh* chẳng lià *sắc*, cũng như cái trống và tiếng trống. *Sắc* dựa và *danh* mà sanh ra, *danh* dựa vào *sắc* mà sanh ra, cũng người mù với kẻ què, cả hai nương nhau mà đi xa.

*Hỏi: Danh và sắc khác biệt nhau như thế nào?*

*Đáp: Danh thì chẳng có thân, còn sắc thì có thân. Danh thì có chỗ biết, sắc chẳng có chỗ biết. Danh di chuyển nhẹ nhàng, sắc di chuyển chậm chạp. Danh chẳng kết tụ, sắc hay kết tụ. Danh thì hay biết (= giác), biết (= tri), suy nghĩ (= tư), hiểu biết (= thức); sắc thì chẳng như thế. Sắc thì đi, dựa, ngồi, nằm, co, duỗi; danh thì chẳng như thế. Danh thì biết tôi đi, tôi dựa, tôi ngồi, tôi nằm, tôi co, tôi duỗi; sắc thì chẳng như thế. Sắc thì uống, ăn, nhai, nếm; danh thì chẳng như thế. Danh thì biết tôi uống, tôi ăn, tôi nhai, tôi nếm; sắc thì chẳng như thế. Sắc thì vỗ vai, bôn cọt (= hí), cười (= tiếu), khóc (= đê), nói năng đủ cách; danh thì chẳng thế. Danh thì biết tôi vỗ vai, tôi bôn cọt, tôi cười, tôi khóc, tôi nói năng đủ cách; sắc thì chẳng thế.*

Đó là chỗ sai biệt giữa *danh* và *sắc*. Người toạ thiền như thế biết rõ chỉ có *danh* và *sắc* ở đây mà thôi, chẳng có chúng sanh nào, chẳng có thọ mạng nào, và do đó mà đắc được hành và tướng.

Giờ đây, nói tóm lược lại tất cả: Khổ đế là, khiến tri kiến thanh tịnh như thật về *Danh-Sắc* khởi lên; đó là lời nói chung mô tả Khổ đế, cần phải được hiểu biết rõ. Người toạ thiền khởi lên được Khổ đế mà có được tư tưởng đứng đắn về chúng sanh. Sau đó, nên quán tiếp về nhân duyên gây ra Khổ.

*Hỏi: Khổ đó, do nhân duyên nào, do nguồn gốc nào?*

*Đáp: Người toạ thiền đó biết như vậy: Khổ đó do sanh làm nhân duyên mà ra. Sanh là, do hữu làm nhân duyên. Hữu là, do thủ làm nhân duyên. Thủ là, do khát ái làm nhân duyên. Ái là, do thọ làm nhân duyên. Thọ là, do xúc làm nhân duyên. Xúc là, do sáu nhập làm nhân duyên. Sáu nhập là, do Danh-Sắc làm nhân duyên. Danh-Sắc là, do thức làm nhân duyên. Thức là, do hành làm nhân duyên. Hành là, do vô minh làm nhân duyên. Như thế, vô minh duyên hành, hành duyên thức, sanh duyên lão tử, mà thành ra sáu lo, khổ não. Như thế, khổ ám ắt thành và khởi lên. Bằng cách đó, người toạ thiền dùng sợi dây nhân duyên ràng buộc mà quán tướng rộng ra.*

Bây giờ, nói tóm lược lại: chính *thọ* đó đã làm nhân duyên cho *ái* mới thành ra *Khổ Tập*, nguồn gốc của sự khổ. *Khổ tập* này đã làm khởi lên, hoặc *tri* hiểu biết về Pháp Nhân Duyên, hoặc *tri* thanh tịnh là mọi nghi ngờ, đây là những lời lẽ diễn tả về *Tập đế* đã làm cho *tri* khởi lên. Người toạ thiền ấy khi đã khởi lên được *Khổ tập*, thì trong ba thời (quá khứ, hiện tại và vị lai) vượt qua được mọi sự nghi nan.

Giờ đây, quán tướng về *Khổ Diệt*. Cái chi diệt làm cho *Khổ* đó diệt đi? Người toạ thiền ấy biết rằng *sanh* đã diệt thì *Khổ* đó diệt. Theo sau sự diệt của *sanh* là sự diệt của *hữu*. *Hữu* đã diệt thì *thủ* cũng diệt. Hết *thủ* diệt, thì *ái* cũng diệt. Theo sau sự tiêu diệt của *vô minh* là sự tiêu diệt của *hành*. *Hành* đã diệt thì *thức* diệt theo. Theo sau sự tận diệt của *sanh* là *lão tử*, *sầu lo*, *khổ não* cũng dứt. Như thế, toàn bộ *Khổ ám* thành ra tiêu diệt hết. Như thế, người toạ thiền đã dựa theo sợi dây nhân duyên gây tiêu diệt, mà quán tướng rộng thêm ra.

Tóm lại, *thọ* đó duyên *ái*, khi *ái* đó diệt thì *khổ* diệt theo, khiến cho *Diệt đế* khởi lên, thiền giả theo đó khởi lên *Diệt đế*.

Bây giờ, quán tướng tiếp về *Khổ Diệt Đạo*. *Đạo* là con đường, đường nào? Phải có đầy đủ những gì mới làm cho *ái* diệt đi? Người toạ thiền ấy đã biết rõ năm *thọ* ám là như thế, nên quán tướng về các lỗi lầm của năm *thọ* ám, đó là *đạo*, là con đường diệt khổ. Đó cũng là sự đầy đủ làm cho *ái* diệt đi để khiến khởi lên *Đạo đế*, như đã được nói rộng qua trước đây trong *Mục Phương tiện Đế*.

Như thế là người toạ thiền đã lần lượt làm khởi lên trong trí mình Bốn Thánh đế.

Vào thời đó, người toạ thiền quán thấy năm thọ ẩm, qua một trăm tám mươi pháp lần lượt kết tụ và phân biệt với nhau. Người ấy quán sát mọi sắc pháp trong quá khứ, vị lai và hiện tại, hoặc bên trong, hoặc bên ngoài, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc thô, hoặc diệu, hoặc gần, hoặc xa, tất cả sắc pháp đó đều là *vô thường, khổ, vô ngã*. Cùng một thể quán rộng rãi đó, người ấy quán tất cả thọ, tưởng, hành, thức. Nơi mỗi ẩm này, có mười hai cửa vào (= nhập), như thể thì tại năm ẩm, có năm lần mười hai pháp môn (= cửa) thành ra sáu mươi; do đó sanh ra sáu mươi *vô thường kiến*, sáu mươi *khổ kiến*, và sáu mươi *vô ngã kiến*, tổng cộng lại là một trăm tám mươi.

Lại nữa, còn có một trăm tám mươi pháp môn tại các cửa vào: sáu nội nhập, sáu ngoại nhập, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, sáu ái thân, sáu giác thân, và sáu quán thân; mười lần sáu này thành ra sáu mươi. Do đó mà sanh ra sáu mươi *vô thường kiến*, sáu mươi *khổ kiến*, và sáu mươi *vô ngã kiến*, tổng cộng lại ba lần sáu mươi ra một trăm tám mươi.

Qua năm dài tháng rộng, từ mùa này qua tháng khác, nửa tháng, rồi ngày, rồi đêm, cho đến một niệm sát-na, tất cả các pháp hành đó biến chuyển đổi thành mới, tương tục nhau tựa như ngọn lửa mỗi từ đèn nọ truyền sang đèn kia mãi. Do theo lẽ *vô thường* trong việc các hành biến chuyển đó, người toạ thiền quán phân biệt về các hành ẩm.

Qua các nẻo dữ của tái sanh phải chịu cảnh khổ đói lạnh, sợ hãi, mong cầu, chia li cùng người thân, già, bệnh, chết, sầu bi, khổ não, các pháp hành đó chẳng trầm tương tục mãi. Do theo lẽ *khổ* đó trong việc các pháp hành biến chuyển, người toạ thiền quán phân biệt về các hành ẩm.

Tùy theo các ẩm, nhập, giới, nhân duyên, đế, nghiệp quả báo là nhân duyên khiến phải lại sanh ra, nên chẳng có chúng sanh, lại bất động, chẳng có sự việc nào do tự tánh mà thành khởi được. Do lẽ *vô ngã* đó trong việc các pháp hành biến chuyển, người toạ thiền quán phân biệt về các hành ẩm.

Sắc là *vô thường*, khi xét theo nghĩa phải bị biến diệt. Sắc là *khổ*, khi xét theo nghĩa gây nên lo sợ. Sắc là *vô ngã*, khi xét theo nghĩa sắc là chẳng thật. Như thế đó, người ấy đã quán phân biệt theo cách tóm tắt và theo cách rộng rãi.

Cùng theo cách kể trên, người ấy quán phân biệt thọ, tưởng, hành và thức như thế, nghĩa là quán thấy các ẩm này *vô thường* với nghĩa biến diệt, *khổ* với nghĩa gây lo sợ, *vô ngã* với nghĩa chẳng thật. Đây là cách quán phân biệt vừa tóm tắt, vừa rộng rãi.

Như thế, do phân biệt được lẽ *vô thường* mà trừ bỏ được *thường tưởng*, do phân biệt được lẽ *khổ* mà trừ được *lạc tưởng*, do phân biệt được lẽ *vô ngã* mà trừ được *ngã tưởng*. (*Lạc tưởng* = trước việc khổ mà lại có ý tưởng tưởng là vui)

*Hỏi:* Thế nào là phân biệt rộng rãi về lẽ *vô thường*?

*Đáp:* Người toạ thiền thấy đúng như thật rằng chư hành đều chẳng hiện hữu trước khi chúng khởi lên và chẳng tồn tại sau khi đã diệt mất, người ấy khởi tâm trú vào cảnh giới *vô tướng* và được an tâm. Như thế là người ấy đã quán phân biệt rộng rãi về lẽ *vô thường*.

*Hỏi:* Thế nào là phân biệt rộng rãi về lẽ *khổ*?

*Đáp:* Khi quán tưởng về chư hành tâm cảm thấy lo sợ, bởi do sự mong muốn, và người ấy muốn an tâm nên trú vào cảnh giới *vô nguyện* (= chẳng mong cầu). Đây là cách phân biệt rộng rãi về lẽ *khổ*.

*Hỏi:* Thế nào là phân biệt rộng rãi về lẽ *vô ngã*?

*Đáp:* Khi quán tướng về tất cả mọi pháp (= sự vật), thấy chúng đều tùy thuộc vào sự vật khác, từ đó mà khởi lên tâm trú vào cảnh giới *Không*, khiến được an tâm. Đây là cách quán phân biệt rộng rãi về lẽ *vô ngã*.

Cùng thế ấy mà quán phân biệt về ba cõi (= dục giới, sắc giới, vô sắc giới), năm nẻo tái sanh, bảy nơi trú xứ của thức, chín chôn cư trú của các loại chúng sanh. Người toạ thiền nhờ xét đến các lẽ: lẽ biến diệt, lẽ gây lo sợ, và lẽ chẳng thật, mà khởi lên sự quán tưởng.

*Đến đây chấm dứt Phân biệt trí.*

Người toạ thiền đã phân biệt rõ về năm thọ ám đều ứng vào nơi ba tướng (= *vô thường, khổ và vô ngã*) rồi, liền mong muốn được thoát khỏi tất cả mọi hành. Bảy giờ, khi quán bên trong năm thọ ám, người ấy hiểu rõ việc nắm giữ ba tướng đó, lúc khởi lên cũng như lúc diệt đi. Như thế, người ấy thông đạt được rằng, mọi pháp (= sự vật) đều chẳng có trước khi chúng khởi sanh, hiện chỉ có vào lúc sanh, và sẽ biến mất đi khi sự sanh đã diệt.

Việc nắm giữ ba tướng *vô thường, khổ và vô ngã* thể hiện ra ba hình thức: nắm giữ tướng các phiền não, nắm giữ tướng định và nắm giữ tướng huệ. Nơi đây, kẻ phàm phu mê mờ lúc thấy, nghe, hay, biết về cảnh giới, thì ưa lấy cảnh thấy, nghe, hay, biết đó làm thích thú, khởi lên lạc tướng, thường tưởng điên đảo, rồi nắm giữ và bám níu vào, khiến phải dính mắc *phiền não*, tựa như con thiêu thân đâm đầu vào ngọn lửa.

Đây gọi là *chấp thủ* (= bám níu) vào *phiền não*.

*Hỏi:* Thế nào là *nắm giữ lấy tướng định*?

*Đáp:* Người toạ thiền muốn đắc được *định*, nơi ba mươi tám đề tài quán tướng, dùng niệm chánh trí nắm giữ lấy tướng *định* của mỗi đề tài, để cột tâm lại, tựa như người quản tượng dùng cây kích có móc câu mà kèm giữ con voi.

Đây gọi là *nắm giữ tướng định*.

*Hỏi:* Thế nào là *nắm giữ lấy tướng huệ*?

*Đáp:* Người siêng năng quán, lấy trí huệ ban đầu tâm phân biệt được tự tướng của mỗi thứ: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, rồi muốn khởi tu tâm xả liền nắm giữ lấy tự tướng đó, tựa như kẻ rượt đuổi con rắn độc. Đây gọi là *nắm giữ lấy tướng huệ*. Như vậy, nắm giữ được tướng huệ là điều đáng vui mừng.

*Hỏi:* Thế nào là *nắm giữ tướng của sắc, thọ, tưởng, hành, thức*?

*Đáp:* Về tướng của *sắc*: hoặc do địa giới, hoặc do thủy giới, hoặc do hỏa giới, hoặc do phong giới, hoặc do căn nhập, hoặc do thân nhập, người toạ thiền quán tướng như thế và nắm giữ lấy tướng của *sắc*. Về tướng của *thọ*: hoặc do vui, hoặc do khổ, hoặc do chẳng vui chẳng khổ, người ấy quán tướng như thế và nắm giữ lấy tướng của *thọ*. Về tướng của *tưởng*: hoặc do sắc tướng, hoặc do pháp tướng, người ấy quán tướng như thế và nắm giữ lấy tướng của *tưởng*. Về tướng của *hành*: hoặc do cảm xúc, hoặc do suy tư, hoặc do hay biết, hoặc do quán sát, hoặc do tác ý, người ấy quán tướng như thế và nắm giữ lấy tướng của *hành*. Về tướng của *thức*: hoặc do nơi căn thức, hoặc do nơi ý thức, người ấy quán tướng như thế và nắm giữ tướng của *thức*. Như thế, người toạ thiền khéo nắm giữ lấy các tướng và khéo khiến cho các tướng *sắc, thọ, tưởng, hành và thức*, được khởi lên.

Lại nữa, bằng hai cách sau đây, người toạ thiền khéo nắm giữ được tướng của *tâm*: do *đối tượng*, và do *tác ý*.

Tâm khởi lên do theo *đối tượng*. Do theo đối tượng của sắc, đối tượng của thọ, đối tượng của tưởng, đối tượng của hành, đối tượng của thức, mà tâm ta khởi lên; người toạ thiền nên quán thấy như thế.

Như thế là *do đối tượng mà nắm giữ tướng của tâm*.

*Hỏi:* Thế nào là *do tác ý mà nắm giữ tướng của tâm*?

*Đáp:* Khi ta tác ý vào sắc như vậy, tâm ta hiện đang khởi lên, người toạ thiền nên quán tướng như thế. Khi ta tác ý, chăm chú vào thọ, vào tưởng, vào hành, vào thức, tâm ta hiện đang khởi lên, người toạ thiền nên quán tướng như thế.

Như thế, là *do sự tác ý mà nắm giữ được tướng của tâm*.

*Hỏi:* Thế nào là *khéo nắm giữ các tướng*?

*Đáp:* Do các cách vừa kể trên, người toạ thiền quán tướng về các tướng của sắc, của thọ, của tưởng, của hành và của thức. Nếu do các cách đó mà kham quán thêm hơn lên nữa, thì người ấy sẽ nắm giữ được các tướng đó thật khéo khéo.

*Thông đạt sự sanh diệt của các tướng đó*, là thấy hiểu rõ có sự sanh khởi, có sự biến diệt của chúng. Như thế, sắc đã sanh, hiện đang có mặt, tướng sanh đó của sắc biến đổi thành diệt đi mất. Khi hai giai đoạn *khởi sanh* và *biến diệt* ấy được huệ nhãn nhìn thấy rõ ràng, đó gọi là *thông đạt sự khởi diệt*.

Lại nữa, có ba cách để thông đạt được sự *khởi sanh* các tướng và sự *biến diệt* của các tướng (*khởi diệt* = khởi sanh và tiêu diệt): do *nhân*, do *duyên*, và do *tự tánh* (tức là do *tự tánh*).

*Hỏi:* Thế nào là *do nhân* mà thông đạt được khởi tướng?

*Đáp:* Ái, vô minh và nghiệp làm *nhân* để khởi lên ám, nay nhờ có huệ nhãn nhìn thấy được nguyên nhân đó mà thông đạt được *tướng khởi sanh*.

*Hỏi:* Thế nào là *do duyên* mà thông đạt được khởi tướng?

*Đáp:* Do *duyên thực phẩm* mà sắc ấm khởi lên; do *duyên xúc chạm* mà ba ấm khởi lên và do *duyên Danh-Sắc* mà thức ấm khởi lên, nay nhờ có huệ nhãn nhìn thấy được các *duyên cơ* đó mà thông đạt được *tướng khởi sanh*.

*Hỏi:* Thế nào là *do tự tánh* mà thông đạt được sự khởi tướng?

*Đáp:* Như ngọn đèn cứ tiếp tục cháy chẳng ngừng tắt, chư hành tự đổi mới trước sau chẳng gián đoạn, từ lúc sanh, lúc đang hiện có, rồi lúc biến diệt đi, *tự tánh* ấy được huệ nhãn nhìn thấy rõ mà thông đạt được *tướng khởi sanh*.

Như thế, nhờ do *nhân* và do khởi lên sự thấy mà thấy được *tướng của Tập đế*. Nhờ do *duyên*, do *tự tánh* và khởi lên niệm hay biết mà thấy được *Khổ đế*, rồi lấy tướng đó làm chỗ thấy và hay biết được ngay trong sát-na cũng chẳng thể đắc.

Đó là ba cách, do *nhân*, do *duyên*, do *tự tánh* giúp ta thông đạt được *tướng khởi*.

*Hỏi:* Thế nào là *do ba cách*, thông đạt được tướng diệt?

*Đáp:* Ba cách đó là: do *nhân* diệt, do *duyên* diệt và do *tự tánh* diệt. Như thế, một khi ái diệt, vô minh diệt và nghiệp diệt, thì ám trở nên diệt, rồi do huệ nhãn nhìn thấy rõ các nguyên nhân đã diệt nên thông đạt được *tướng diệt*. Do thực phẩm diệt, sắc ấm trở nên diệt; do sự xúc chạm

diệt, ba ám trở nên diệt; do Danh-Sắc diệt, thức ám trở nên diệt; rồi do huệ nhãn nhìn thấy rõ các duyên có đã diệt nên thông đạt được *tướng diệt*. Như ngọn đèn tiếp tục cháy chẳng ngừng tắt, từ lúc sơ khởi, qua lúc đang hiện có, cho đến lúc tàn diệt đi, đều do nơi *tự tánh*, rồi nhờ huệ nhãn nhìn thấy rõ mà thông đạt được *tướng diệt*.

Như thế, qua sự tiêu diệt của nguyên nhân (= *nhân diệt*), người toạ thiền nhìn thấy được *Diệt đế*, và nhờ thấy được tướng của Diệt đế mà thành chỗ thấy và hay biết được tướng vô sanh. Do *duyên diệt*, do *tự tánh diệt*, do chỗ đã thấy diệt, người ấy lấy tướng của *Khổ đế* làm thành cái thấy sơ khởi và hay biết ngay trong sát-na chẳng thể đắc được.

*Hỏi:* Nếu qua sự khởi sanh và biến diệt mà thấy *Khổ đế*, và lấy tướng đó làm chỗ thấy, thì làm thế nào mà *thượng trí* khởi lên được?

*Đáp:* Khởi thấy *diệt* có dụng ích gì? Do tướng của *Khổ đế*, ta thấy được những điều chưa từng được thấy. *Khổ* đó bao trùm tất cả, cho chí đến tận các hành, khiến thấy được các hành tướng đó đúng như thật. Do niệm khởi, tâm vượt thoát khỏi các hành, mới thấy được các lỗi lầm của chư hành đúng như thật. Từ hành tướng đó, khởi tâm niệm vượt thoát khỏi các hành, mới nhìn thấy được nơi nơi *khổ* đều tràn đầy, đó gọi là đã thấy đến tận bờ ranh.

Đó cũng *như con chim bay*, đang bị lửa cháy vây quanh, chẳng khỏi lo sợ khi còn chưa vọt lên được trên không trung. Từ trên không trung, chim nhìn xuống thấy ngọn lửa bao vây tràn khắp bốn bên. Cùng thế đó mà người toạ thiền nhìn thấy *khổ* như thế, cứ suy rộng ra cũng có thể biết được.

Do *nhân*, do *duyên* và do thấy sự khởi sanh, người toạ thiền thông đạt được tướng khởi của nhân duyên. Mỗi tương quan giữa sự hiện hữu và sự khởi thành: *cái này khởi lên khiến cái kia cũng khởi lên theo*. Khi nhân diệt và duyên cũng diệt, thì thấy sự diệt của tướng nhân duyên, thành ra thông đạt được: *cái này chẳng có nên cái kia chẳng thành, cái này diệt cho nên cái kia cũng diệt theo*. Do theo tự tánh, do theo tướng khởi diệt mà đã thấy được sự khởi thành, đó là thông đạt *nhân duyên pháp*: biết được sự khởi sanh, biết được sự tận diệt, biết được sự định trụ.

Như thế, do thấy được sự khởi sanh cùng sự tận diệt mà hiểu biết được bốn pháp: *pháp một tướng, pháp nhiều loại, pháp vô sự, và pháp chỉ trú*. Trong khi các hành nối tiếp nhau như một dòng tương tục, thấy được sự khởi sanh của chúng thì tránh được sự cố chấp khác loại (= *chùng chùng chấp*). Trong khi các hành trước sau chuyển biến, thấy được sự biến diệt của chúng thì tránh được sự cố chấp vào một tướng (= *nhứt chấp*). Thấy được các hành trước sau đều chẳng động, chẳng có tự tánh, thì liả được sự cố chấp có tự ngã (= *ngã chấp*).

Thấy được các hành trước sau biến chuyển đều do nhân duyên, thì tránh được cái chấp về vô sự (= *vô sự chấp*)

Kẻ phàm phu ít học còn chưa hiểu đúng được tánh đồng nhứt, nên dính mắc vào *thường kiến* và *đoạn kiến*. Do chẳng hiểu đúng về pháp khác loại, thành ra phải kẹt vào thường kiến. Vì còn chẳng hiểu được pháp vô sự, thành ra chấp vào *ngã kiến*. Vì chẳng hiểu biết được pháp này, nên mới nói vô sự. Như vậy, nơi ngôn ngữ thông thường, lấy một tướng làm ngôn ngữ ưu thắng; lấy tướng khác loại thâm nhiếp chư pháp làm thành một tướng; lấy nghĩa phân biệt làm thành tướng khác loại; lấy nghĩa phiền não lập thành đồng một tánh; lấy nghĩa phương tiện làm thành tánh khác loại; lấy nghĩa thọ quả báo làm thành đồng một tánh; lấy nghĩa gây nghiệp quả làm thành tánh khác loại. Người toạ thiền như thế thấy tánh đồng nhứt, nên chẳng còn chấp cái thấy khác loại nữa. Nếu thấy được tánh khác loại, nên chẳng còn chấp vào tánh đồng nhứt nữa. Nếu hiện thấy một tánh, liền tác ý và hay biết để đoạn trừ cái thấy ấy. Nếu hiện thấy một tánh, thì liền trừ *đoạn kiến* ấy. Nếu hiện thấy tánh khác loại, thì liền trừ *thường kiến* ấy. Người toạ thiền như thế, do thấy được sự sanh khởi và tiêu diệt của chư hành mà thấy được pháp một tánh và pháp khác loại.

*Hỏi:* Thế nào là thảy các hành khởi lên mà lại vô sự? Tại sao chư hành đã vô sự, bất động, lại khởi lên được và chi trú?

*Đáp:* Tự tánh và nhân duyên hoà hiệp với nguồn gốc đã làm nhân duyên cho sự sanh khởi của chư hành. Như thế, do pháp chi trú khiến sanh, nên được sanh ra. Do theo nghĩa chẳng có thọ mạng và theo nghĩa bất động, mà pháp vô sự có thể biết được. Do theo nghĩa tự tánh và nghĩa cơ duyên, như thế pháp chi trú có thể hiểu được.

Khiến cho *Không* lại hiện lên, thành ra vô sự; khiến *nghiệp* hiện lên thành ra có chỗ sở tác. Như thế, pháp chi trú khiến hiện lên vô sự, nên được gọi là *pháp*. Như thế, làm cho pháp chi trú hiện lên, đó gọi là *hành*.

Như thế, do hay biết về *pháp một tánh* mà thành thông đạt được tướng *Khổ*. Do hay biết về *pháp khác tánh* như thế mà thành thông đạt tướng *vô thường*. Do hay biết về *pháp vô sự* cùng *pháp chi trú* như thế, mà thành thông đạt được tướng *vô ngã*.

*Hỏi:* Người toạ thiền nên quán sự khởi sanh và sự tiêu diệt của chư hành nơi tất cả mọi phạm vi chẳng sót, hay chỉ cần quán một phạm vi là đủ?

*Đáp:* Nếu nơi một phạm vi, quán sát chư hành và nắm giữ lấy tướng khởi diệt của chúng, thì thông đạt được tất cả mọi chư hành khắp nơi đều đầy đủ, cũng như một người ném nước biển tại một nơi trên biển lớn, tức biết rằng nước biển ở đâu cũng mặn như thế. Như thế, có thể suy ra mà biết được.

Do hai cách sau đây mà biết được chư hành đầy đủ: do *đối tượng*, do *chẳng mê mờ*. Do thông đạt việc nắm giữ tướng khởi sanh và tiêu diệt của chư hành, người toạ thiền hiểu rõ ràng và đầy đủ được đối tượng của mọi hành. Do đó, đoạn trừ được sự vô tri, nên các hành khác còn lại đều chẳng còn mê mờ nữa mà được hiểu rõ ràng và đầy đủ. Như thế, *Khởi diệt tri* là trí phân biệt được tất cả chư hành, phân biệt được từ lúc chư hành vừa khởi sanh lên, phân biệt được cho đến lúc chư hành tiêu diệt. Lại phân biệt được trước khi khởi sanh ra, chư hành đều rỗng vắng; cũng phân biệt được sau khi tiêu diệt, chư hành cũng đều rỗng vắng; bởi vì chẳng có sự khởi sanh nào cả vào lúc trước khi chư hành khởi sanh; và cũng chẳng còn có sự tiêu diệt nào thêm nữa vào lúc sau khi chư hành đã tiêu diệt.

Do đó, *Khởi diệt tri* trở thành *Phân biệt tri*, biết rõ tất cả chư hành.

*Khởi diệt tri chấm dứt.*

Người toạ thiền như thế đã chánh kiến (= thấy rõ thật đứng đắn) tướng sanh diệt, khéo phân biệt được rằng chư hành rồi ra sẽ tán diệt, liền muốn đắc được *định*. Bấy giờ, người ấy chẳng tác ý và quán sự sanh khởi, chỉ thấy các tâm sở diệt: do đối tượng của *sắc* mà tâm sở khởi sanh rồi tiêu diệt, người ấy chỉ y theo đối tượng đó sanh diệt mà quán thấy tâm sở đang diệt. Cùng thế ấy, theo đối tượng của *thọ*, đối tượng của *tướng*, đối tượng của *hành*, đối tượng của *thức* đang khởi lên trong tâm, người ấy quán sát sự sanh diệt của tâm sở liên hệ với đối tượng ấy, và thấy được sự sanh diệt của tâm.

Lại nữa, bằng ba cách này mà thấy được các tâm sở *diệt*: do *kết tụ*, do *song hành*, do *phân biệt*.

*Hỏi:* Thế nào là *do kết tụ* mà thấy được các tâm sở *diệt*?

*Đáp:* Trong các oai nghi (= tư thế, đi, đứng, nằm, ngồi) tại các nơi, khi tâm và các tâm sở liên hệ khởi lên, người ấy nhìn thấy sự diệt đi của các oai nghi và qua sự kết tụ, mà thấy được tâm và các tâm sở *diệt* theo.

Lại nữa, do quán sắc vô thường, thọ vô thường, tưởng vô thường, hành vô thường, thức vô thường, lúc ấy khởi tâm và các tâm sở liên hệ với các đối tượng vô thường đó, rồi do sự kết tụ lại mà thấy được sự biến diệt của các đối tượng và các tâm sở liên hệ. Cùng một cách ấy, người ấy quán về các đối tượng của *khổ* và *vô ngã*.

Như thế, nên *do kết tụ* mà quán thấy sự diệt của tâm và các tâm sở liên hệ.

*Hỏi*: Thế nào là *do song hành* mà quán thấy được sự diệt của tâm và các tâm sở?

*Đáp*: Đã phân biệt được sắc là vô thường, người ấy khởi tâm quán về vô thường, theo sự vô thường mà thấy được tâm khi sanh khi diệt. Cùng thể song hành ấy, người ấy quán *thọ, tưởng, hành, thức* cũng vô thường, theo các đối tượng vô thường đó, tâm và các tâm sở khởi lên rồi lại biến diệt, và thấy được sự diệt của tâm và các tâm sở liên hệ. Cùng một cách ấy mà quán tiếp về các đối tượng của *khổ*, và *vô ngã*.

Như thế, nên *do sự song hành* mà quán thấy sự diệt của tâm và các tâm sở liên hệ.

*Hỏi*: Thế nào là *do phân biệt* mà thấy được sự diệt của tâm và các tâm sở?

*Đáp*: Đã quán sắc là vô thường, và tùy theo đối tượng của sự vô thường mà khởi tâm, nên người ấy đã thấy được sự *diệt* của tâm và các tâm sở. Như thế, người ấy hiểu rõ quán phân biệt sự *diệt* của tâm và các tâm sở liên hệ. Rồi cùng theo lối đó mà quán về *thọ, tưởng, hành, thức* cũng vô thường, tùy theo đối tượng vô thường mà khởi tâm, và thấy được tâm *sanh diệt*, lấy chính cái thấy đó mà nhìn chính cái thấy đó *diệt*. Đó là cách *do sự phân biệt* mà thấy được tâm và các tâm sở *diệt*.

Cùng thể ấy mà quán *khổ*, quán *vô ngã*. Như thế, do sự phân biệt mà hiện chỉ quán về sự diệt của chúng. Khi sự quán về sự diệt đã nhuần nhĩ rồi, thấy rõ chư hành trong sát-na, thì đắc được sự lợi lạc. Qua trí huệ hiểu biết rõ ràng đó, người toạ thiền ấy, chẳng còn tùy thuộc vào duyên nào khác, với tâm chuyên nhứt, nhìn thấy toàn thể thể gian này, do theo tự tánh, tựa như hột cải trên đầu cây dùi, trong sát-na biến đổi từ sanh, già đến chết.

Vào thời đó, người toạ thiền nhìn thấy ra được như thế, như đã nói trong bài Kệ sau đây:

*Theo tự tánh, đôi "Danh-Sắc" đó  
Chuyển, cùng chuyển và diệt, cùng diệt.  
Đây sanh, nhân đó cũng sanh,  
Diệt đây, đó cũng duyên theo diệt liền.*

*Âm vô thường vốn là pháp diệt;  
Cùng là pháp diệt, pháp khổ sanh,  
Như tiếng vang khi dùi đánh trống.*

*Sắc, hương... cùng với năm pháp nọ,  
Chẳng bởi do nơi mắt sanh ra,  
Cũng chẳng khởi sanh do nơi sắc,  
Nhưng chẳng lià cặp đôi "mắt sắc".*

*Các pháp hữu vi y duyên sanh  
Như tiếng vang khi dùi đánh trống.*

*Sắc, hương... cùng với năm pháp nọ,  
Chẳng bởi do nơi tai sanh ra,  
Cũng chẳng theo âm thanh sanh khởi,  
Nhưng chẳng lià cặp đôi "tai thanh"*



Sắc, hương,... cùng với năm pháp nọ  
Chẳng bởi do nơi mũi sanh ra,  
Cũng chẳng theo mùi hương sanh khởi,  
Nhưng chẳng lia cặp đôi "mũi hương".

Sắc, hương,... cùng với năm pháp nọ,  
Chẳng bởi do nơi lưỡi sanh ra,  
Cũng chẳng theo vị nếm sanh khởi,  
Nhưng chẳng lia cặp đôi "lưỡi vị".

Sắc, hương,... cùng với năm pháp nọ,  
Chẳng bởi do nơi thân sanh ra,  
Cũng chẳng theo xúc chạm sanh khởi,  
Nhưng chẳng lia cặp đôi "thân xúc".

Các pháp đó sanh, chẳng do sắc,  
Chẳng ra ngoài cõi ý bên trong,  
Theo nhân duyên mà sanh khởi,  
Như tiếng vang theo dùi đánh trống.  
Căn của chúng rất là yếu ớt.  
Nhân ban sơ cũng rất yếu mềm,  
Nhân hiện tại chẳng mạnh chi hơn,  
Buộc chung vào nên càng kiệt quệ,  
Hoà hợp lại cũng chẳng tăng cường,  
Có tương ưng cũng vẫn yếu mòn.  
Chuyển động vượt qua còn lắt léo,  
Lướt đi chậm yếu chẳng an trú,  
Chẳng có sức tự mình chuyển độ,  
Thiếu khả năng làm khởi sanh lên,  
Giống như ảo ảnh thành căn thất.

Ngay ban sơ, các pháp đó khởi,  
Chẳng do tự thân mà sanh ra,  
Chẳng do tự lực mà hiện hữu,  
Tồn tại được cũng tùy pháp khác,  
Lại khiến sanh thêm pháp hữu lậu.

Thân thể yếu mềm chẳng tự sanh,  
Chẳng do tự nhân, chẳng tự sự,  
Chẳng có tự tánh, luôn tùy thuộc  
Vào chư hành, các pháp hữu vi.  
Vì sanh thân yếu, đời sống ngắn,  
Chẳng từ đâu đến, chẳng về đâu,  
Gốc gác xa gần biết là đâu?

Tâm này vô ngã, chẳng thọ mạng,  
Mỗi niệm buộc ràng với khổ, lạc,  
Trong sát-na, vượt biển trèo non,  
Trải tám vạn kiếp, một lần trú

Chưa hề trở lại, chẳng hai tâm.  
Quá khứ, vị lai, cùng diệt mất,  
Hiện trú đây, toàn là các ám.

Kìa đã qua rồi, nghe đã mất,  
Nợ còn chưa đến, khoảng còn vắng,  
Đó chẳng khởi tướng dị biệt lên,  
Do chẳng khởi sanh, hiện tại sanh.  
Từ chỗ vô tâm, thể giới mất,  
Trong nghiã đệ nhứt: chẳng đến, đi.  
Tương lai chẳng trụ, chỉ chuyển sanh,  
Các pháp sanh trụ như hột cải.  
Pháp diệt, tức là buổi ban sơ,  
Thể gian cùng pháp sơ chẳng lìa.  
Chẳng thấy đến đi, chẳng thấy sanh,  
Chư pháp chẳng sanh, tựa hư-không,  
Giống như điện chớp, phút chốc mất.

Người toạ thiền đó thấy sự diệt vô tận như thế, nhập vào định. Cũng như khi cọ xát hai khúc gỗ làm khói lửa khởi lên trong sát-na, trí quang minh liền khởi lên trong sát-na, cùng với nỗi mừng vui, an lạc, giải thoát, niệam xú và xả ly cũng đồng khởi lên. Lúc đó, nếu người toạ thiền còn chưa hiểu rõ pháp thiên, tâm sẽ tán loạn hoặc sanh lòng tăng thượng mạn (= kiêu căng).

*Hỏi:* Làm thế nào trừ tâm tán loạn đó?

*Đáp:* Người toạ thiền đó khởi lên mừng về pháp thiên, nỗi mừng đó khiến cho tâm được an, và pháp thiên sẽ điều nhiếp tâm, khiến cho tâm thông đạt theo sự quán định mà liả xa *thường tướng*. Như thế mà diệt sự tán loạn tâm.

*Hỏi:* Thế nào là khởi lòng tăng thượng mạn?

*Đáp:* Người toạ thiền nơi pháp thiên khởi lên được *tướng sáng*, tưởng rằng đã đắc được pháp xuất thể gian rồi, nhưng vì còn chưa đắc mà lại chẳng khởi thêm tinh tấn, do đó mà sanh lòng tăng thượng mạn. Còn người toạ thiền hiểu biết, rõ được phiền não ấy, vốn là một pháp ở thể gian, đã làm cho định bị tán loạn, trong khi pháp xuất thể gian chính là đối tượng Niết-bàn, nên dùng sự hiểu biết đó mà trừ được tâm tán loạn, trừ được lòng kiêu mạn và chỉ nhìn thấy sự tịch diệt, đó là khéo tu hành, biết tu hành nhiều.

*Trí quán về Diệt chấm dứt.*

**(Giải Thoát Đạo Luận: Quyển thứ Mười Một).**

-----\*

## Quyển Mười Hai

### **Phẩm 12: Phân biệt Đẽ.** **Chi 2: Các loại Trí và Định**

Người toạ thiền như thể hiện quán Diệt, do đã quán Diệt xong thành ra sợ nhân của âm, lại sợ âm sanh ra. Sợ ba cõi (= dục giới, sắc giới và vô sắc giới), sợ năm đường (= địa ngục, nga quỷ, A-tu-la, người, trời), sợ bảy nơi thức trú, chín chốn cư trú của chúng sanh, như sợ người ác tuốt đao, như sợ rắn độc, như sợ lửa bùng cháy. Như thế, do quán sự *diệt* mà thành ra sợ các nguyên nhân của âm, sợ âm sanh ra, sợ ba cõi, năm đường, bảy thức trú, chín chốn cư trú của chúng sanh.

Hiện tác ý do theo lẽ vô thường khiến cho *ý tưởng lo sợ* (= *úy tưởng*) được yên ổn, để khởi lên *vô tướng*. Hiện tác ý do theo lẽ khổ thành ra sự sợ sanh ra được yên ổn, để khởi lên *vô sanh*. Hiện tác ý do theo lẽ vô ngã thành ra sự lo sợ cùng việc ngại sanh ra được yên ổn, khiến cho

vô tướng và vô sanh khởi lên. Quán các lỗi lầm, quán sự nhàm chán và lia xa (= yếm ly), mà mềm dẻo tùy theo sự kham nhẫn tương tự, đó là lời nói tổng quát.

*Đến đây chấm dứt việc khiến cho Trí lo sợ khởi lên.*

Người toạ thiền do vì mỗi lo ngại mà hiện tu hành, khiến khởi lên *trí muốn được giải thoát (lạc giải thoát Trí)*. Khi lo ngại về tướng các ám, trí muốn được giải thoát khởi lên. Khi lo ngại về các ám sanh khởi, trí muốn được giải thoát khởi lên. Khi lo ngại về ba cõi, năm đường, bảy thức trú, chín nơi cư trú của chúng sanh, trí muốn được giải thoát khởi lên. Đó cũng tựa như con chim bị lửa cháy bao vây, muốn được thoát khỏi lửa, như người bị giặc dữ bao vây, muốn được thoát khỏi tay giặc. Như thế, người toạ thiền do nơi nỗi lo ngại về nguyên nhân các ám, sự khởi sanh của các ám, ba cõi, năm đường, bảy thức trú, chín chốn cư trú của chúng sanh, mà khởi lên trí muốn được giải thoát.

Theo lẽ vô thường mà tác ý lo ngại về nguyên nhân các ám. Theo lẽ khổ mà tác ý lo ngại về sự sanh. Theo lẽ vô ngã mà tác ý lo ngại về nguyên nhân các ám và sự khởi sanh của chúng, và do đó mà khởi lên trí muốn được giải thoát.

Như thế, kẻ phạm phu và các bậc học non, do theo nơi trí muốn được giải thoát dùng hai cách mà dẫn tâm hoặc quán hoan hỷ. Nơi đây, tâm thông đạt hiện quán trở nên hoan hỷ, vượt qua ưu não vốn là chướng ngại cho việc tu hành, thành tựu nên thấy được chỗ khó thấy trong tu duy, hành, xả, nương tùy theo với sự kham nhẫn tương tự. Đó là lời nói tổng quát.

*Đến đây chấm dứt Trí muốn được giải thoát.*

Người toạ thiền như thế hiện đang tu tập về trí muốn được giải thoát. Để được giải thoát khỏi tất cả chư hành và đắc được Niết-bàn, người ấy thấy chư hành thành cùng một tướng, muốn theo cửa giải thoát mà khởi lên trí tương tự. Do ba cách mà đắc được *tương tự trí*; ba cách đó vượt qua khỏi sự kết tụ của năm ám.

Người ấy hiện thấy được năm ám đều *vô thường* thì đắc được *tương tự trí*, nhận rõ khi năm ám *diệt*, đó tức là *Niết-bàn*, nên vượt qua được sự kết tụ của năm ám. Người ấy hiện thấy được năm ám đều *khổ* thì đắc được *tương tự trí*, nhận rõ khi năm ám *diệt*, đó tức là *Niết-bàn*, nên vượt qua được sự kết tụ của năm ám. Người ấy hiện thấy được năm ám đều *vô ngã* thì đắc được *tương tự trí*, nhận rõ khi năm ám *diệt*, đó tức là *nghiã đệ nhất của Niết-bàn*, nên vượt qua được sự kết tụ của năm ám.

*Hỏi: Do trí nào biết hiện vượt qua sự kết tụ, do trí nào biết đã vượt qua xong?*

*Đáp: Do tánh trừ trí mà biết hiện vượt qua sự kết tụ của chư hành; và do đạo trí mà biết hiện đã vượt qua xong.*

*Hỏi: Tương tự trí nghĩa là gì?*

*Đáp: Tương tự có nghĩa là trí thông đạt được các môn sau đây: bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy yếu tố của sự giác ngộ, tám ngành của Bát Chánh đạo; tâm trí phù hợp với, và giống như các môn ấy, đó gọi là *Tương tự trí*.*

Nói một cách tổng quát, chẳng oán ghét để thấy lợi cho mình và kham nhẫn, đó là lời nói chung về *tương tự trí*.

*Đến đây chấm dứt Tương tự trí.*

Từ nơi tướng của tất cả chư hành, khởi lên *tương tự trí* theo thứ lớp chẳng gián đoạn, hướng về đối tượng của Niết-bàn thì sanh khởi lên được *tánh trừ trí*.

*Hỏi: Thế nào là tánh trừ trí?*

*Đáp:* Vượt trừ được các pháp phạm phu, gọi là *tánh trừ*. Nơi chẳng phải pháp phạm phu cũng gọi là *tánh trừ*. *Tánh* có nghĩa là Niết-bàn.

Lại nữa, gieo hạt giống Niết-bàn cũng gọi là *tánh trừ*. Như A-tỳ-đàm (= *Abhidhamma*, *Luận tạng*) có nói: "Trừ được sự sanh gọi là *tánh*; trừ bỏ để đến được cõi vô sanh, cũng gọi là *tánh trừ*". Lại nữa, trừ bỏ được nguyên nhân của sự sanh, gọi là *tánh trừ*. Đến được cõi vô sanh, cõi vô tướng cũng gọi là *tánh trừ*. Đó là bước đầu của con đường dẫn tới Niết-bàn; từ chỗ bên ngoài đó đã chuyển được trí huệ.

Trên đây là lời nói tổng quát về *tánh trừ trí*.

*Đến đây chấm dứt Tánh trừ trí.*

*Tánh trí* theo thứ lớp chẳng gián đoạn hiện biết rõ về Khổ đế,,hiện đoạn trừ nguyên nhân của Tập đế, hiện chứng đắc được sự tận diệt của Diệt đế và hiện tu tập về Đạo đế, thành ra sanh khởi lên *trí về đạo Tu-đà-huàn* cùng tất cả các pháp Bồ-đề khác. Người toạ thiền vào lúc đó, trong sự an tịch, hiện thấy được đâu là nơi hữu biên (= còn có giới hạn; *biên* = bờ ranh), đâu là nơi vô biên (= cảnh Niết-bàn vô vi; *đề hồ* là chất kem ngon của sữa). Và trong một sát-na (= đơn vị thời gian hết sức ngắn) trí người ấy biết rõ ràng, chẳng trước đó cũng chẳng sau đó, phân biệt được Bốn Chơn lý Nhiệm mầu, đã biết rõ Khổ, đã đoạn trừ Tập, đã chứng thấy Diệt, đã tu theo Đạo, thật phân minh, đúng như thí dụ trong bài Kệ sau đây:

*Như người lia bờ này,  
Dùng thuyền sang bờ kia,  
Chờ vật đến bờ đó,  
Ngồi thuyền, trừ lậu hoặc.*

Như thuyền lướt trên mặt nước, chẳng trước chẳng sau, trong một sát-na, bỏ bốn việc nơi bờ này là trừ lậu hoặc, vượt đến bờ bên kia như thuyền chở vật lia bờ bên này. Như thế, *trí phân biệt Khổ* như trừ lậu hoặc. Như thế, *trí phân biệt đoạn trừ Tập* như sang đến bờ kia. Như thế, *trí phân biệt chứng đắc sự tận diệt của Diệt* như dùng thuyền chở vật. Như thế, *trí phân biệt Đạo* như ngồi thuyền sang bờ bên kia.

Như ngọn đèn cùng sanh trong một sát-na, chẳng trước chẳng sau, đồng thực hiện bốn việc: thấp cháy tim đèn, trừ được sự tối tăm, làm cho dầu hao mất, và khởi lên ánh sáng. Cũng như mặt trời, chẳng trước chẳng sau, trong một sát-na, đồng thực hiện được bốn việc: làm sắc hiện lên, trừ sự tối tăm, dẹp sự lạnh lẽo, tạo nên ánh sáng để thấy được sắc. Như thế, *trí phân biệt Khổ* cũng như trừ sự tối tăm. Như thế, *trí phân biệt đoạn Tập* như dẹp được sự lạnh lẽo. Như thế, *trí phân biệt chứng được Diệt* như làm khởi lên ánh sáng. Như thế, *trí phân biệt tu Đạo Bát chánh* như mặt trời, đó còn gọi là *Thánh trí*.

*Hỏi: Thế nào là tướng của trí vào lúc hiện thấy rõ Khổ, đoạn trừ Tập, chứng đắc Diệt, tu hành theo Đạo?*

*Đáp:* Nếu chẳng thấy rõ được Khổ thì bốn điều điên đảo sẽ sanh khởi. Vào lúc đó, như đã giảng qua, do nhờ sự an tịch mà quán tưởng đâu là cõi hữu biên, đâu là cõi vô vi Niết-bàn, trí phân biệt trong một sát-na, chẳng trước chẳng sau, liền phân biệt được Bốn Chơn lý Nhiệm mầu.

*Hỏi: Nghĩa này như thế nào?*

*Đáp:* Khi thấy chư hành sanh và diệt, trí còn chưa nhận ra được đúng như thật các khổ lậu cùng các lỗi lầm của tất cả chư hành. Do theo tướng của chư hành, liền khởi tâm muốn vượt

qua chư hành mà đến chỗ vô hành. Nhờ đó mà thấy được đúng như thật các lỗi lầm của chư hành. Rồi từ tướng của chư hành, khởi tâm vượt đến chỗ vô hành, để từ nơi ấy mà thấy ra được các khổ lậu đến tận mức cuối cùng vậy.

Lại có thuyết cho rằng, nếu được như vậy, thì ta có thể phân biệt được Đế, do nhờ vào sự an tịch và tánh trừ trí. *Tánh trừ trí* có nghĩa là, khởi từ hành tướng mà vượt qua đến vô hành. Nếu *tánh trừ trí* khởi từ hành tướng vượt qua đến vô hành mà thành công thì đắc được Niết-bàn. Nơi Niết-bàn chỉ nắm giữ nguyên nhân làm đối tượng. Nhờ nắm giữ được đối tượng mà đắc được định tâm. Nếu chẳng đắc được định, thì chẳng sanh ra định lực và huệ lực, và các pháp Bồ-đề cũng chẳng thành mãn. Nếu vào lúc đắc được Niết-bàn mà có định tâm thì Định và Huệ thành mãn cùng với tất cả các pháp Bồ-đề. Do đó, chỉ nhờ vào *Đạo trí* mà thành phân biệt được Đế.

Như thành cháy, có người chạy ra, bị kẹt ở cửa thành, chỉ thò ra được một chân, thì lúc đó chẳng gọi được là thoát khỏi. Cùng thể ấy, *tánh trừ trí* từ nơi hành tướng mà khởi lên vượt qua đến chỗ vô hành, thì lúc ấy chưa vượt qua được các phiền não của chư pháp, chưa được thành mãn. Trái lại, như người trong thành cháy chạy ra, hai chân đã ra ngoài, bấy giờ mới gọi đó là thoát khỏi lửa thành cháy. Cùng thể ấy, *tánh trừ trí* chẳng gián đoạn sanh khởi lên *Đạo trí*, lúc bấy giờ mới gọi là thoát khỏi các phiền não và thành mãn được tất cả các pháp. Do đó, nhờ *tánh trừ trí* mà thành ra phân biệt được Đế.

*Hỏi: Phân biệt Đế nghĩa như thế nào?*

*Đáp:* Trong một sát-na, bốn Thánh đế hoà hợp khởi lên đó gọi là *phân biệt Đế*. Vào lúc ấy, *Đạo trí* hoà hợp y theo nghĩa, *các căn* trở thành bình đẳng nhau. *Năm lực* với nghĩa là bất động. *Bồ-đề phân* với nghĩa "thừa", tức là cỗ xe đưa đến nơi giác ngộ. *Bát thánh Đạo phần* với nghĩa nhân duyên đưa đến sự giải thoát. *Bốn Niệm xứ* có nghĩa niệm an trú trong bốn lãnh vực. *Chánh căn* có nghĩa phân biệt thiện được ưu thắng. *Bốn như ý túc* có nghĩa là phương tiện. *Đế* có nghĩa là sự thật, Chơn lý. *Xa-ma-tha* (= định tâm) có nghĩa là chẳng loạn động. *Tì-bà-xà-na* (= huệ tâm) với nghĩa tùy quán. *Song* với nghĩa chẳng rời nhau. *Giới thanh tịnh* với nghĩa che chở. *Tịnh kiến* có nghĩa là tâm tánh trong sạch chẳng loạn động. *Kiến* với nghĩa là kiến giải được thanh tịnh. *Giải thoát* có nghĩa là thoát khỏi. *Minh xả* có nghĩa là thông đạt. *Diệt trí căn* có nghĩa đoạn bỏ và vượt qua. *Tác ý* có nghĩa là khiến khởi ý lên một cách bình đẳng. *Xuất ly* có nghĩa là xúc và thọ đã diệt xong. *Định* tức là y theo nghĩa hiện trước mặt. *Huệ* có nghĩa là niệm chân thực. *Đề-hổ* với nghĩa phân biệt sâu xa và rõ ráo. *Nê-hoàn* (= Niết-bàn) có nghĩa bình đẳng thật rốt ráo.

Như thế, người toạ thiền thấy đúng như vậy, biết đúng như vậy, nên đoạn trừ được *tam kết* (= ba điều kết sừ) là thân kiến, nghi và giới cấm thủ, cùng các phiền não tương ứng.

*Hỏi: Thế nào là thân kiến?*

*Đáp:* Kẻ phàm phu ít học thấy sắc cho đó là *ngã* (= tôi), tôi có hình sắc; sắc đó là *ngã sở* (= của tôi). Cùng như thế đó đối với *thọ, tướng, hành, thức*. Thấy thức, cho đó là tôi có thức (= sự hiểu biết), thức đó là thức của tôi. Đây gọi là *thân kiến*. Nay cắt đứt được thân kiến, thì đồng thời cũng đoạn trừ xong sáu mươi hai tà kiến.

*Hỏi: Thế nào là nghi?*

*Đáp:* Hoặc nơi Khổ, hoặc nơi Tập, hoặc nơi Diệt, hoặc nơi Đạo, hoặc nơi Phật Pháp Tăng, hoặc nơi lúc khởi đầu, hoặc nơi lúc tận cùng, hoặc cả hai thời khởi và tận, đều có sự nghi nan về sự sanh khởi theo pháp nhân duyên; nay mỗi nghi nan đó được đoạn trừ.

*Hỏi: Thế nào là giới đạo?*

*Đáp:* Có hai loại *giới đạo* (= còn gọi là *giới cầm thú*, tức là sự tin tưởng vào các giới cầm thú): do khát ái và độ ngã si (= mê mờ cho là có *ngã*). Người vì khát ái nghĩ rằng: "Nhờ tuân theo các giới cầm này, nhờ tu theo các khổ hạnh này, nhờ tập theo các Phạm hạnh này, tôi sẽ được sanh lên các cõi Trời"; đó gọi là *giới đạo vì khát ái*. Hoặc có kẻ ngoại đạo, hay người Bà la môn nào nghĩ rằng: "Nhờ tuân theo giới cầm này, nhờ giữ theo giới này cho thanh tịnh, tôi được trong sạch"; đó gọi là *giới đạo vì si ngã*. Cả hai loại *giới đạo* đó đều được đoạn trừ

*Hỏi:* Thế nào là *các phiền não tương ứng*?

*Đáp:* Ba mối kết sử (thân kiến, nghi và giới cầm thú) khiến khởi lên các phiền não: tham muốn, giận hờn, si mê và sanh vào các nẻo dữ. Các phiền não này cũng được cắt đứt.

Vào lúc ấy, người toạ thiền chứng được quả *Tu-đà-huờn hưởng*. *Tu-đà-huờn hưởng* là chưa đắc trọn quả *Tu-đà-huờn trú*, mà chỉ đến bậc *bát địa*. Đền khi lên tới *kiến địa* hoặc *định địa*, thì từ nơi hai *địa* này khởi chuyển *huệ* mà trọn thành quả *Tu-đà-huờn*. Đó là lời nói tổng quát về *Tu-đà-huờn đạo*.

Ngay khi ấy, vị *Tu-đà-huờn* cứ theo thứ lớp chẳng gián đoạn, cắt trừ ba kết sử, khiến cho đối tượng trở thành vô vi, chẳng sai biệt với Đạo và các pháp khác, làm phương tiện khởi lên trí hiểu biết về *Tu-đà-huờn quả*. Trí, quả, tâm, hoặc hai hoặc cả ba, khởi lên chẳng gián đoạn, cùng vượt qua đến phần sau. Tâm theo từ phần sau này khởi quán về Đạo, về Quả, về Niết-bàn; quán xong liền đoạn trừ các phiền não, rồi quán đến các phiền não còn dư sót mà cắt bỏ. Đó gọi là *pháp Tu-đà-huờn chẳng thoái chuyển* định hướng về Bồ-đề, hướng về các quả ở vị lại. Đó gọi là được sanh ra từ ngực của Thế tôn, sanh ra từ nơi miệng của Thế tôn, sanh ra từ Chánh pháp, đó là pháp mà các vật khác chẳng thể sánh nổi được. Đó gọi là thấy được đầy đủ, tu hành thông đạt Thánh pháp, đến tận ngưỡng cửa Niết-bàn. Đã đắc diệu pháp đó, đã thấy biết rõ diệu pháp đó, đã được giác trí thành tựu, đã được giác minh thành tựu, liền nhập vào dòng nước Thánh, thông đạt Huệ, khai mở cửa Niết-bàn. Thế nên, có Kệ rằng:

*Nơi cõi đất là một bực quốc vương,  
Cõi Thiên đường là một đấng Vua Trời,  
Thống lãnh tất cả thế gian mọi cõi,  
Đó chính là thắng quả Tu-đà-huờn.*

*Người toạ thiền ấy*, từ giai đoạn này tiến lên khởi tinh tấn đồng mãnh để chứng được quả vị *Tu-đà-hàm*. Người ấy thấy rõ được sự sanh, sự diệt từ buổi ban sơ, nên hiện quán như đã được thuyết giảng ở trước. Người ấy hiện tu hành theo như đã thấy con đường Đạo, nương theo năm căn, năm lực, bảy yếu tố của sự giác ngộ, như thế mà quán phân biệt về Bốn Chơn lý Nhiệm mầu. Như thế, người ấy tu hành hướng về Diệt, đoạn trừ các dục thô, sân hận, cùng các phiền não tương ứng khác. Trên con đường Đạo đó, chẳng bao lâu, chẳng gián đoạn, người ấy chứng được quả vị *Tu-đà-hàm*.

*Người toạ thiền ấy*, từ giai đoạn này tiến lên khởi tinh tấn đồng mãnh để chứng quả vị *A-na-hàm*. Người ấy thấy rõ được sự sanh và sự diệt, lấy chỗ sơ kiến (= vừa mới thấy) làm chỗ hiện thấy, hiện quán, như đã được thuyết giảng ở trước. Người ấy hiện tu hành theo như đã thấy con đường Đạo, nương theo năm căn, năm lực, bảy yếu tố của sự giác ngộ, như thế mà quán phân biệt về Bốn Chơn lý Nhiệm mầu. Như thế, người ấy tu hành hướng về Diệt, đoạn trừ các dục vi tế, sân hận và các phiền não tương ứng còn sót lại. Trên con đường Đạo đó, chẳng bao lâu, chẳng gián đoạn, người ấy chứng được quả vị *A-na-hàm*.

*Người toạ thiền ấy*, từ giai đoạn này tiến lên khởi tinh tấn đồng mãnh để chứng quả vị *A-la-hán*. Người ấy thấy rõ được sự sanh và sự diệt, lấy chỗ sơ kiến đó làm chỗ hiện thấy, hiện quán, như đã được thuyết giảng ở trước. Người ấy hiện tu hành theo như đã thấy con đường Đạo, nương theo năm căn, năm lực, bảy yếu tố của sự giác ngộ, như thế mà quán phân biệt về Bốn Chơn lý Nhiệm mầu, theo đúng như thế mà hướng về sự đoạn trừ sắc dục, vô sắc dục,

kiêu mạn, trạo cử, vô minh, các phiền não còn dư sót đều đoạn tận. Trên con đường Đạo đó, người toạ thiền chứng thấy quả vị A-la-hán, quán Đạo này, quán quả Niết-bàn, quán đoạn trừ phiền não.

Người Tỳ-kheo đó đắc thành A-la-hán, diệt xong các lậu hoặc, đã làm xong việc phải làm, đặt gánh nặng xuống, đạt tới diệu nghĩa, đoạn trừ các hữu kết, chon chánh thấy đúng sự giải thoát, liả xa năm phần, thành tựu sáu phần, được sự thù hộ, chẳng còn bị sự chết ràng buộc, diệt trừ các tà để còn sót, tin tưởng và tâm cầu sự vô lậu, giữ an ổn các thân hành, khéo giải thoát tâm, khéo giải thoát tuệ, làm tròn Phạm hạnh đã thành bậc đại tướng phu tối thắng, bậc đại tướng phu chứng được chỗ đắc đệ nhất. Đó gọi là đã trừ xong sân hận, đến bờ bên kia, liả phiền não, chẳng còn bị kết sự làm chướng ngại, đắc được đôi cánh của bậc Thánh giả, buông bỏ gánh nặng chẳng tương ứng xuống, thành bậc Sa-môn, bà la môn, A-la-hán, bậc dứt cả tham dục, bậc bảo hộ chánh pháp, bậc bà la môn tối thượng. *A-la-hán* có nghĩa là vượt qua, thoát khỏi, khuất phục được, an tịch, khiến cho an tịch. Đó là lời nói tổng quát về A-la-hán.

Nếu người đắc quả vị Tu-đà-huờn trong đời này, chẳng tinh tấn tu lên nữa, sẽ thuộc vào ba hạng Tu-đà-huờn sau đây: (1) *thất sanh*, (2) *gia gia*, (3) *nhứt sanh*. Như thế, người căn cơ chậm lụt sẽ thành *thất sanh*. Người căn cơ trung bình sẽ thành *gia gia*. Người căn cơ sắc bén sẽ thành *nhứt sanh*. *Thất sanh* thì sau khi tái sanh trên cõi Thiên đường sáu lần, còn trở lại cõi này một lần nữa để chấm dứt Khổ. *Gia gia* thì hoặc hai lần, hoặc ba lần tái sanh về cõi này để chấm dứt Khổ. *Nhứt sanh* thì còn phải sanh làm người một lần nữa, để chấm dứt Khổ.

Vậy, Tu-đà-huờn, nếu trong đời này chẳng tinh tấn tu lên nữa thì phải trở lại cõi người ít nhất một lần nữa để chấm dứt Khổ.

Nếu vị A-na-hàm, trong đời này, chẳng tinh tấn tu lên nữa, đến khi mạng chung sẽ sanh lên cõi Tịnh cư. Tùy theo căn cơ mỗi người bèn nhảy khác nhau mà có năm hạng A-na-hàm: (1) *trung gian Bát-Niết-bàn*, (2) *sanh Bát-Niết-bàn*, (3) *bất hành Bát-Niết-bàn*, (4) *hành Bát-Niết-bàn*, (5) *sanh lên trên cõi Trời A-ca-ni-tha*. Gọi là *Trung gian Bát-Niết-bàn*, vị A-na-hàm nào khởi lên Thánh đạo để đoạn trừ các kết sử dư sót lại, còn chưa đến giữa chừng thọ mạng, đã mất đi. Gọi là *Sanh Bát-Niết-bàn*, vị A-na-hàm nào khởi lên Thánh đạo để trừ các kết sử còn dư sót, mất đi khi đến quá nửa chừng thọ mạng. Gọi là *Bất hành Bát-Niết-bàn*, vị A-na-hàm nào khởi lên Thánh đạo để đoạn trừ các kết sử còn dư sót, mà chẳng do hành động bên ngoài thúc giục. Gọi là *Hành Bát-Niết-bàn*, vị A-na-hàm nào khởi lên Thánh đạo để đoạn trừ các kết sử còn dư sót, nhờ có hành động bên ngoài thúc giục. Gọi là *Sanh lên cõi Trời A-ca-ni-tha*, vị A-na-hàm nào từ cõi Bất phiền thiên lần lượt sanh sang các cõi Bất nhiệt thiên, Thiện kiến thiên, Thiện hiện thiên, sau rốt mới đến cõi A ca ni tha thiên (Pàli: *Akanittha*), khởi lên Thánh đạo để đoạn trừ các kết sử còn dư sót. Nơi cõi Bất phiền thiên, thọ mạng một vạn kiếp; ở cõi Bất nhiệt thiên, thọ mạng hai vạn kiếp; ở cõi Thiện kiến thiên, thọ mạng bốn vạn kiếp; ở cõi Thiện hiện thiên, thọ mạng tám vạn kiếp; ở cõi A ca ni tha thiên, thọ mạng mười sáu vạn kiếp. (...)

Bực A-la-hán đã đoạn trừ xong tất cả phiền não chẳng còn dư sót, nên chẳng còn gây thêm nguyên nhân để phải sanh lại nữa. Do đó, bực A-la-hán đã miễn trừ được hình, mạng, hành và diệt; đó là đoạn trừ được Khổ, chẳng khởi thêm Khổ nữa; đây gọi là Khổ đã đến mức cuối cùng rồi.

Có Kệ rằng:

*Tựa như trùy đập vào sắt nóng,  
Như ánh sao chìm xuống giữa dòng,  
Theo thứ lớp mà thành tịch diệt,  
Nào ai biết được hướng người đi!*

*Như thế, là giải thoát chánh chơn*

*Khi vượt qua đục lậu ràng buộc,  
Đạt đến cõi an lạc bất động,  
Nào ai biết được hưởng người đi!*

*Hỏi:* Có thuyết của đại sư nói, cứ theo thứ lớp mà tu Đạo để đoạn trừ các phiền não, thì có lần lượt phân biệt được Bốn Chơn Lý Nhiệm mầu chăng?

*Đáp:* Hoặc do lấy mười hai pháp, hoặc do lấy tám pháp, hoặc do lấy bốn đạo trí mà chứng được quả.

*Hỏi:* Theo như đó, khi nào thấy chẳng tương ứng?

*Đáp:* Nếu theo thứ lớp tu hành và đoạn trừ các phiền não thì do theo đó mà lần lượt chứng quả, như thế vui lòng thấy được đạo và quả tương ứng nhau.

Nếu vui lòng được như thế thì thành tựu được quả Tu-đà-huờn chăng? Nếu chưa vui lòng, thì lại theo thứ lớp tu Đạo, theo thứ lớp đoạn trừ phiền não, thì cũng được.

Lại nữa *lần thứ hai:* khi thấy được Khổ, thấy Khổ được đoạn trừ, thấy phiền não được đoạn diệt, thì chứng được bốn phần của quả Tu-đà-huờn và khởi lên vui lòng với phương tiện thành tựu. Nếu như thế vui lòng tác chứng được bốn phần Tu-đà-huờn, bốn phần Thất sanh Tu-đà-huờn, bốn phần Gia gia Tu-đà-huờn, bốn phần Nhứt sanh Tu-đà-huờn thì thành ra có bốn phần trú nơi đạo, còn bốn phần trú nơi quả, như thế thì chẳng tương ứng. Nếu như thế chẳng vui lòng khi đã thấy Khổ, thấy Khổ đã được đoạn trừ, còn phiền não có được diệt hết chăng; như thế vẫn còn chưa tương ứng.

Lại nữa *lần thứ ba:* nếu lấy chỗ đã thấy Khổ, thấy Khổ đã được đoạn trừ và phiền não đã diệt xong, làm chỗ vui lòng, thì đó là hiện thấy được Khổ, trú vào bốn phần Tu-đà-huờn đạo, bốn phần tín hành, bốn phần pháp hành, làm chỗ vui lòng, chớ vẫn chưa thấy được ba Chơn Lý kia còn lại (...); như vậy thì cũng chẳng tương ứng. (...)

Lại nữa *lần thứ tư:* cũng chẳng tương ứng, nếu hiện thấy đạo thành hưởng, đã trú vào quả điều đó đáng vui ; lấy chỗ hiện thấy Khổ này thành hưởng đã trú vào quả cũng nên khá vui , khi thấy cả hai tương ứng nhau thành chung một tướng. Nếu khá vui lòng khi thấy hưởng cùng trú và quả thành ra nhiều thứ như thế, thì vẫn còn chẳng tương ứng. (...)

Lại nữa, *lần thứ năm:* nếu đã thấy đạo mà chứng quả, nhưng còn chưa thấy được Khổ Tập, Khổ Diệt, hoặc đã thấy Khổ Tập, Khổ Diệt là vô nghĩa, thì cũng chưa tương ứng.

Lại thêm *lần thứ sáu:* nếu lấy hoặc mười hai pháp, hoặc tám pháp, hoặc bốn đạo trí để tác chứng Tu-đà-huờn quả, (...), thì đạo trí thành ra vô quả. Nếu như thế mà quán theo đó, thì quán đó cũng chẳng tương ứng. (...)

Lại nữa, *lần thứ bảy:* nếu hoặc do mười hai pháp, hoặc do tám pháp, hoặc do bốn đạo trí mà khiến khởi lên Tu-đà-huờn quả, thì đó lại cũng chẳng tương ứng, vì do nhiều đối tượng mà khởi lên một quả, tựa như lấy nhiều trái xoài mà làm thành một trái vậy.

*Hỏi:* Nếu trong một sát-na, chẳng trước chẳng sau, lấy một trí mà phân biệt Tứ Đế thì thành ra có bốn cái nhìn nắm giữ đối tượng. Nếu lấy cái thấy Khổ làm thành cái thấy về Tứ Đế, thì Tứ đế sẽ trở thành Khổ đế. Vậy, có phải cả hai cách đó, chẳng cách nào tương ứng với một trí, chẳng trước chẳng sau, trong một sát-na, phân biệt được Tứ Đế chăng?

*Đáp:* Chẳng phải một trí có bốn cái thấy nắm giữ bốn đối tượng; lại cũng chẳng phải Tứ Đế thành Khổ đế. Người toạ thiền khi ban sơ quán về Tứ Đế, thấy tướng của mỗi Đế đều chung một tướng "nhu" như nhau, tướng trước được phân biệt trước, thì vào lúc ấy đang quán về



Khô để. Như thế, một tướng đã thông đạt thì thành ra thông đạt được cả Tứ Đế vì cùng một nghĩa "như". Cùng theo cách ấy trước đây, năm âm tuy khác loại nhưng cùng một tướng, nên tướng trước được phân biệt trước, do đó mà phân biệt được sắc âm. Cũng vậy, lấy nghĩa vô thường nơi sắc âm mà thấy năm âm đều vô thường, (...), chứ chẳng phải sắc âm là năm âm. *Nhập, giới*, cũng được quán phân biệt theo lối đó, điều ấy có thể suy mà biết được.

Sau đây giảng qua các **pháp linh tinh** về: quán, giác, hi, thọ, địa, căn, giải thoát, phiền não, chánh thọ, hai cấp định.

**Quán** có hai thứ: *thiền quán* và *táo quán* (táo = khô, cần)

*Hỏi*: Thế nào là *thiền quán*?

*Đáp*: *Thiền quán* có nghĩa là, đã đắc định rồi, lấy định lực mà hàng phục các triền cái, lấy *đanh* mà phân biệt so sánh với *sắc*, quán thấy các thiền chi, lấy Xa-ma-tha (= định) làm bước đầu để tu Ti-bà-xá-na (= huệ).

*Táo quán* có nghĩa là, lấy trí lực phân biệt để hàng phục các triền cái, lấy *sắc* mà phân biệt so sánh với *đanh*, quán thấy chư hành, lấy Ti-bà-xá-na làm bước đầu để tu Xa-ma-tha.

**Giác** có nghĩa là, nơi Sơ thiền, lấy táo quán cùng thiền quán mà quán *đạo* và *quả*, thì thành có *giác*. Nơi Tam thiền, từ Ti-bà-xá-na cho đến tánh trừ trí thì có *giác*, còn *đạo* và *quả* thì chẳng có *giác*. Nơi *giác địa* (= chỗ có *giác*), *đạo* thành tựu được tám ngành của Bát Chánh Đạo. Nơi vô *giác địa*, bảy ngành Bát Chánh Đạo thành tựu, trừ Chánh tư duy.

**Hi** có nghĩa là, táo quán ở Sơ thiền khiến thiền giả thấy được đầy đủ nỗi khổ của chư hành; nhờ có Ti-bà-xá-na và trí tương tự khởi lên thành tánh trừ trí nên thấy các khổ chẳng còn nữa; do đó mà *đạo* và *quả* cùng khởi lên được *hi* và táo quán đắc được *hi* đầy đủ. Nơi Nhị thiền, Ti-bà-xá-na, cùng với *đạo* và *quả*, đồng khởi lên *hi*. Nơi Tam thiền và Tứ thiền, Ti-bà-xá-na và *đạo* cùng *quả* chẳng khởi lên *hi*. Nơi *hi địa*, *đạo* và *quả* làm khởi lên Thất giác chi (= bảy yếu tố của sự giác ngộ). Còn nơi vô *hi địa*, chỉ có sáu giác chi khởi lên, trừ yếu tố *hi*.

**Thọ** có nghĩa là, ở Sơ thiền, táo quán khiến thấy đầy đủ nỗi khổ của chư hành, nhờ Ti-bà-xá-na và trí tương tự khởi lên niệm xả, rồi tánh trừ trí cùng *đạo* và *quả* đồng khiến cho *hi* phát sanh, do đó mà táo quán đắc được *lạc* (= vui) đầy đủ. Nơi Tam thiền, Ti-bà-xá-na, *đạo* và *quả*, cùng với *hi* khởi lên. Nơi Tứ thiền, Ti-bà-xá-na, *đạo* và *quả* cùng với *xả* khởi lên.

**Địa** có nghĩa là, có hai *địa*: *kiến địa* và *tư duy địa* (*địa* = đất, phạm vi; *kiến* = thấy; *tư duy* = suy nghĩ). Tu-đà-huàn *đạo* thuộc về *Kiến địa*; còn ba *đạo* kia và bốn *quả* Sa-môn thuộc về *Tư duy địa*. Trước còn chưa thấy ra, nay khiến thấy được rõ, nên gọi đó là *kiến địa*. Thấy như thế, rồi tu tập theo như thế, đó là *tư duy địa*.

Lại nữa, còn có hai thứ *địa*: *học địa* và *vô học địa* (*học địa*, ở đây, có nghĩa là các người còn phải học thêm nữa; còn *vô học địa*, ở đây, các người đã học xong, chẳng cần học thêm nữa). Như thế, bốn *đạo* và ba *quả* Sa-môn thuộc về *học địa*. *Quả* A-la-hán thuộc về *vô học địa*.

**Căn** có nghĩa là, có ba căn xuất thế gian: (1) *vị tri tri căn* (= căn biết được điều còn chưa biết); (2) *đĩ tri căn* (= căn đã biết rõ ráo và (3) *tri dĩ căn* (= căn biết đã biết). Như vậy, trí người đắc Tu-đà-huàn *đạo* biết được điều còn chưa biết, thuộc vào loại căn (1). Trí của ba *đạo* và ba *quả* còn lại, vì đã biết các pháp đến mức rõ ráo, nên thuộc vào loại căn (2). Trí người đắc *quả* A-la-hán biết được đã biết xong tất cả mọi pháp chẳng sót pháp nào, nên thuộc vào loại căn (3).

**Giải thoát** có nghĩa là, có ba loại giải thoát: (1) *vô-tướng giải-thoát*, (2) *vô-tác giải-thoát*, và (3) *Không-giải-thoát*. Như vậy, *trí tương tự* tu theo *Đạo* mà chẳng khởi lên hình tướng, đó là *vô-tướng giải-thoát*. Tu mà chẳng có lòng mong cầu hay ước nguyện nào khác, đó là *vô-tác*

*giải-thoát*. Tu mà chẳng có sự chấp thủ nào, chẳng vướng mắc trứu mến điều nào, đó là *Không-giải-thoát*.

Lại nữa, khi quán kiến ba loại giải thoát đó, thì thành tựu được các đạo; khi đắc được một loại giải thoát, thì cả ba loại giải thoát đều thành tựu.

*Hỏi*: Thế nào là quán ba giải thoát mà thành tựu được các đạo?

*Đáp*: Do quán kiến vô thường mà thành được vô-tướng giải-thoát. Do quán kiến khổ mà thành được vô-tác giải-thoát. Do quán kiến vô ngã mà thành được Không-giải-thoát.

*Hỏi*: Thế nào là quán kiến vô thường mà thành được vô-tướng giải-thoát?

*Đáp*: Do vô thường, hiện tác ý thấy chư hành diệt đi mà khởi thành tâm được giải thoát, nên đắc tín căn và bốn căn kia. Biết được đúng như thật hình tướng của tất cả chư hành đều vô thường làm khởi lên lo sợ, từ đó tâm trí khởi lên vượt qua các hình tướng ấy mà đến chỗ vô tướng, khiến cho thân đắc được giải thoát. Như thế, do quán vô thường mà thành được vô-tướng giải-thoát.

*Hỏi*: Thế nào là quán kiến khổ mà thành tựu được vô-tác giải-thoát?

*Đáp*: Do theo Khổ mà hiện tác ý, lấy sự lo sợ về nỗi khổ của chư hành mà khởi lên tâm muốn được an tịch nhiều; nhờ đó, đắc được định căn và bốn căn kia. Biết được đúng như thật nỗi khổ sở nơi chư hành, thành ra thấy được sự Khổ, và do sự lo sợ khổ mà tâm trí khởi lên vượt đến cõi vô sanh (= chẳng phải bị tái sanh nữa), lấy sự vô tác, chẳng còn mong muốn, chẳng tham cầu nữa, khiến cho thân được giải thoát. Như thế, do quán kiến Khổ mà thành tựu được vô-tác giải-thoát.

*Hỏi*: Thế nào là quán kiến vô ngã mà thành được Không-giải-thoát?

*Đáp*: Do theo vô ngã mà hiện tác ý, lấy tánh không của chư hành mà khởi lên tâm rất chán ghét chúng; nhờ đó, đắc được huệ căn với bốn căn kia. Biết được đúng như thật tướng Không của chư hành và tướng sanh, thành ra thấy được tất cả mọi pháp đều vô ngã, lấy sự lo sợ tướng vô ngã cùng tướng sanh mà khởi lên tâm trí vượt qua đến vô tướng, vô sanh diệt, đến Niết-bàn, khiến cho thân được Không-giải-thoát. Như thế, do quán kiến vô ngã mà thành tựu được Không-giải-thoát.

Như thế, do quán kiến ba giải thoát mà thành tựu được tất cả các đạo.

*Hỏi*: Thế nào là đắc được ba giải thoát thì thành tựu được một đạo?

*Đáp*: Nếu đã đắc được vô-tướng giải-thoát, thì cả ba giải thoát đều thành tựu cả. Tại sao vậy? Người này lấy tâm đã đắc được vô tướng, mà tự giải thoát cho mình khỏi đã mong cầu và chỗ đã chấp trước, trước kia.

Nếu đã được vô-tác giải-thoát thì cả ba giải thoát đều thành tựu cả. Tại sao vậy? Vì lấy tâm đã được giải thoát mà tự giải thoát cho mình khỏi các tướng đã cố chấp.

Đắc được Không-giải-thoát thì cả ba giải thoát đều thành tựu cả. Tại sao vậy? Nếu tâm trước kia bị dính mắc hiện nay được thoát ly, đó là do sự giải thoát khỏi hình tướng và sự mong cầu.

Như thế, cả ba giải thoát đều thành tựu chung một đạo.

*Hỏi*: **Giải thoát** và **giải thoát môn** khác nhau thế nào?

*Đáp:* Thoát khỏi các phiền não đang che mờ trí hiểu biết về Đạo, gọi là *giải thoát*. Được vào cửa Niết-bàn, đó gọi là *giải thoát môn* (*môn* = cửa vào).

Lại nữa, *giải thoát* có nghĩa là trí hiểu biết về Đạo, còn đối tượng của Đạo, tức là Niết-bàn, đó gọi là *giải thoát môn*.

*Hỏi:* Thế nào là *phiền não*?

*Đáp:* Có tất cả một trăm ba mươi bốn *phiền não*: ba căn chẳng lành (= *bất thiện căn*), ba điều mong cầu (= *mịch*), bốn rỉ chảy (= *lậu*), bốn ràng buộc (= *kết*), bốn tràn ngập (= *lưu*), bốn ách, bốn bám níu (= *thù*), bốn hành nghiệp sa vào nẻo dữ (= *ác thú hành*), năm keo kiệt (= *khan*), năm che đậy (= *ngũ cái*), sáu căn tranh cãi (= *tranh căn*), bảy sự bị sai khiến ở thế gian (= *sử thế gian*), tám pháp, chín kiêu căng (= *mạn*), mười nơi phiền não, mười đường gây nghiệp dữ (= *thập bất thiện nghiệp đạo*), mười điều ràng buộc (= *thập kết*), mười tà kiến, mười hai điều điên đảo, mười hai tâm sở chẳng lành.

*Ba căn chẳng lành* (= *tam bất thiện căn*) là tham, giận và si mê. Nơi ba căn đó, *giận* thì được ba đạo làm cho trở nên mỏng mẽ; *tham* đến quả A-na-hàm, được diệt hết chẳng còn dư sót; còn *si mê* được ba đạo đưa mòn cho thành thừa thớt, đến A-la-hán đạo mới tận diệt.

*Ba điều mong cầu* (= *tam mich*) gồm có mong cầu dục lạc, mong cầu được hiện hữu mãi, mong cầu được sanh lên cõi Trời Phạm. Trong ba sự mong cầu đó, việc cầu sanh cõi Trời Phạm thì khi đắc Tu-đà-huờn đạo mới dứt hẳn; sự mong cầu hưởng các thú vui ham muốn (= *dục mich*) thì đến A-na-hàm đạo mới diệt; còn khát vọng được hiện hữu mãi (= *hữu mich*) đến A-la-hán đạo mới bỏ hẳn.

*Bốn rỉ chảy* (= *tứ lậu*) gồm có *dục lậu*, *hữu lậu*, *kiến lậu*, *vô minh lậu* (*lậu* = rỉ chảy; *dục* = ham muốn; *hữu* = hiện hữu, cuộc sống; *kiến lậu* = tà kiến; *vô minh* = si mê). Trong bốn lậu đó, *kiến lậu* được diệt ở Tu-đà-huờn đạo; *dục lậu* diệt ở A-na-hàm đạo; còn *hữu lậu* và *vô minh lậu* đến A-la-hán đạo mới chấm dứt.

*Bốn điều ràng buộc* (= *tứ kết*) là bốn điều mà thân bị ràng buộc: (1) vì ham muốn, (2) vì giận hờn, (3) vì giới cấm thủ và (4) vì cho đó là Chơn lý. Thân bị ràng buộc vì giới cấm thủ và vì cho đó là Chơn lý, thì được Tu-đà-huờn đạo diệt đi. Thân bị ràng buộc vì giận hờn đến A-na-hàm đạo mới trừ xong.

Thân bị ràng buộc vì tham đến A-la-hán đạo mới trừ dứt.

*Bốn tràn ngập* (= *tứ lưu*) gồm có: *dục lưu*, *hữu lưu*, *kiến lưu*, và *vô minh lưu*. *Bốn ách* (= *tứ ách*) gồm có: *dục ách*, *hữu ách*, *kiến ách* và *vô minh ách*, về cách tận diệt, xem lại *bốn rỉ chảy* (= *tứ lậu*) như đã nói qua.

*Bốn điều bám níu* (= *tứ thù*) chia ra làm: *dục thù*, *kiến thù*, *giới cấm thủ* và *ngã ngữ thù* (= chấp vào lời tôi nói). Ba điều chấp thủ sau thì được Tu-đà-huờn đạo diệt trừ, còn *dục thù* thì đến A-la-hán đạo mới diệt xong.

*Bốn hành nghiệp dẫn đến các nẻo ác* (= *tứ ác thú hành*) là những hành động tạo nghiệp khiến phải tái sanh vào các nẻo dữ ác; đó là vì ham muốn, vì giận hờn, vì sự hãi, vì si mê. Chấm dứt các hành động gây nghiệp đó khi tu theo Tu-đà-huờn đạo.

*Năm keo kiệt* (= *ngũ khan*) là keo kiệt về nơi cư trú, về gia đình, về lợi dưỡng, và về pháp; cả năm thứ keo kiệt này đến A-na-hàm đạo thì diệt xong.

*Năm che đậy* (= *ngũ cái*) là năm triền cái: ham muốn (để thoả mãn các giác quan), giận hờn, lời nhác, ham ngủ cùng xao động, kiêu căng cùng nghi ngờ. Nghi ngờ diệt được ở Tu-đà-

huòn đạo. Ham muốn, giận hờn và kiêu căng thì đến A-na-hàm đạo mới diệt hết. Còn lười nhác và xao động đến A-la-hán đạo mới trừ xong. Ham ngủ nghỉ thì tùy theo sắc.

*Sáu căn tranh cãi* (= *lục tránh căn*) là những tâm sở: *phẫn* (= hay nổi giận), *phú* (= che dấu), *tật* (= ganh tị), *siêm* (= nịnh bợ), *ác lạc* (= thích làm ác) và *kiến xúc* (= về tà kiến). Ba tâm sở sau diệt được ở Tu-đà-huòn đạo; còn ba tâm sở trước đến A-na-hàm đạo mới diệt hết.

*Bảy sự bị sai khiến* (= *thất sự*) gồm có các sự bị sai khiến: vì ham muốn, vì giận hờn, vì kiêu căng, vì tà kiến, vì nghi ngờ, vì ham muốn được hiện hữu (= sống) mãi, vì vô minh. Bị tà kiến và sự nghi nan sai khiến thì đến Tu-đà-huòn đạo diệt trừ xong. Bị sai khiến vì lòng ham muốn và vì giận hờn, thì đến A-na-hàm đạo mới trừ xong. Bị sai khiến vì kiêu căng, vì ham muốn sống mãi, và vì vô minh thì đến A-la-hán đạo mới tận trừ.

*Tám ngọn gió ở thế gian* (= *thế gian bát thế pháp*) là lợi, suy, nói xấu, tăng bốc, khen, chê, khổ, vui. Bốn ngọn gió suy, nói xấu, chê, khổ, làm cho giận hờn thì đến A-na-hàm đạo diệt hết; bốn món còn lại gây ra ưa thích phải đến A-la-hán đạo mới trừ xong.

*Chín sự kiêu căng* xảy ra, khi nói hay nghĩ rằng: (1) tôi hơn bậc cao, (2) tôi bằng bậc cao, (3) tôi chỉ thua bậc cao, (4) tôi hơn kẻ bằng tôi, (5) tôi bằng với kẻ bằng tôi, (6) tôi chỉ thua kẻ bằng tôi, (7) tôi hơn bọn dưới, (8) tôi bằng các người thấp, (9) tôi chỉ thua các người thấp. Chín sự kiêu mạn đó đến A-la-hán đạo mới trừ diệt.

*Mười nơi phiền não* là tham, giận, si mê, kiêu căng, tà kiến, nghi nan, lười nhác, xao động, chẳng biết tự thẹn, chẳng biết thẹn với người. Tà kiến và nghi nan thì Tu-đà-huòn đạo diệt trừ; A-na-hàm đạo thì trừ giận; bảy nơi phiền não còn lại đến A-la-hán đạo mới dẹp xong.

Lại nữa, còn có *mười nơi phiền não* này, khi nghĩ rằng: kẻ ấy đã, đang, và sẽ làm phiền tôi; hoặc kẻ ấy đã, đang và sẽ gây phiền não cho người thân của tôi, hoặc kẻ ấy đã, đang và sẽ trợ giúp kẻ thù của tôi, và như thế mà có hành động chẳng thích đáng. Các nơi phiền não này đến A-la-hán đạo mới diệt được hết.

*Mười đường gây nghiệp dữ* là sát hại sanh mạng, lấy của chẳng được cho, tà hạnh, nói dối, nói ác độc, nói lưỡi hai chiều, nói thù dật, tham, giận và tà kiến. Sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối và tà kiến được dẹp xong ở Tu-đà-huòn đạo. Nói ác độc, nói lưỡi hai chiều và giận đến A-na-hàm đạo thì dứt. Nói thù dật và tham, phải đến A-la-hán đạo mới trừ xong.

*Mười kết sự* (*kết* = bị ràng buộc; *sự* = bị sai sử) là *dục sự* (*dục* = ham muốn), *sân sự* (*sân* = giận), *mạn sự* (*mạn* = kiêu căng), *kiến sự* (*kiến* = tà kiến, ý kiến sai lầm), *nghi sự* (= nghi nan), *giới thủ sự* (*giới thủ* = cố chấp vào các giới mê tín), *hữu nhiễm sự* (*hữu* = đời sống, *nhiễm* = nhuộm dơ), *tật sự* (*tật* = ganh ghét), *khan sự* (*khan* = rít róng), *vô minh sự* (*vô minh* = si mê). Các kết sự về tà kiến, giới cảm thù, và nghi nan được dẹp trừ ở Tu-đà-huòn đạo. Các kết sự dục nhiễm, giận, ganh ghét, và rít róng đến A-na-hàm đạo thì dẹp xong. Các kết sự về kiêu căng, hữu nhiễm và vô minh đến A-la-hán đạo mới quét sạch.

*Mười tà biên kiến* là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ (ở đây là vọng ngữ, nói dối), tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, và giải thoát. Tu-đà-huòn đạo dẹp trừ các tà kiến: tà kiến, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà trí, và giải thoát. Tà tư duy, tà ngữ (ở đây là ác ngữ, lời độc ác), nói lưỡi hai chiều, đến A-na-hàm đạo thì diệt. Tà ngữ (ở đây là ý ngữ, lời nói thù dật), tà tinh tấn, tà niệm, tà định, đến A-la-hán đạo mới diệt hết. (*Tà biên kiến* = tà kiến ở ngoài bia; *biên* = ngoài bia).

*Mười hai diên đảo* là *tướng diên đảo*, *tâm diên đảo* và *kiến diên đảo*, liên quan đến vô thường cho là thường, khổ cho là vui, dơ cho là sạch, vô ngã cho là ngã. (...) Kiến diên đảo về khổ với lạc, về bất tịnh với tịnh, được Tu-đà-huòn đạo diệt. Tướng diên đảo và tâm diên đảo về bất

tịnh với tịnh, được A-na-hàm đạo đẹp. Tướng điên đảo và tâm điên đảo về khổ với vui, được A-la-hán đạo trừ dứt.

Mười hai tâm sở bất thiện khởi lên là, (1) cùng với *hi*, chẳng do ngoại duyên, tâm khởi lên *kiến* tương ứng; (2) cùng với *hi*, do theo ngoại duyên, tâm khởi lên *kiến* tương ứng; (3) cùng với *hi*, chẳng do ngoại duyên, tâm khởi lên *kiến* chẳng tương ứng; (4) cùng với *hi*, do theo ngoại duyên, tâm khởi lên *kiến* chẳng tương ứng; (5) cùng với *xá*, chẳng do ngoại duyên, tâm khởi lên *kiến* tương ứng; (6) cùng với *xá*, do theo ngoại duyên, tâm khởi lên *kiến* tương ứng; (7) cùng với *xá*, chẳng do ngoại duyên tâm khởi lên *kiến* chẳng tương ứng; (8) cùng với *xá*, do theo ngoại duyên, tâm khởi lên *kiến* chẳng tương ứng; (9) cùng với *lo âu*, chẳng do ngoại duyên, tâm khởi lên *giận hờn* tương ứng; (10) cùng với *lo âu*, do theo ngoại duyên, tâm khởi lên *giận hờn* tương ứng; (11) tâm khởi lên cùng với *trạo cử* (= xao động), (12) tâm khởi lên cùng với *nghi nan*.

Như vậy, tâm sở bốn *kiến* tương ứng và tâm sở *nghi nan*, cùng khởi lên, đến Tu-đà-huàn đạo, thì được diệt trừ. Hai tâm sở *lo âu* và *giận hờn*, đến Tu-đà-hàm đạo thì được dũa mòn và được A-na-hàm đạo quét sạch chẳng còn dư sót. Tâm sở bốn *kiến* chẳng tương ứng, và tâm sở *trạo cử*, cùng khởi lên, được ba đạo trước dũa thành móng mảnh, đến A-la-hán đạo thì dẹp sạch chẳng còn sót lại.

Hai **chánh thọ** có nghĩa là, chánh thọ mà kẻ phạm phu chẳng thể đắc được, và chánh thọ về quả đã thành tựu được sự diệt tận của thọ ám và tưởng ám.

*Hỏi:* Thế nào là **quả chánh thọ**? Tại sao lại gọi là quả chánh thọ? Ai tu? Ai niệm khởi lên được? Tại sao lại tu? Thế nào là tác ý để thành tựu được? Có bao nhiêu nhân duyên để khởi lên, để an trú vào? Chánh thọ thuộc pháp thế gian hay pháp xuất thế gian?

*Đáp:* *Quả chánh thọ* có nghĩa là, đó là quả Sa-môn, tâm được an trú trong cảnh giới Niết-bàn. Tại sao vậy? Quả chánh thọ chẳng phải là thiện, cũng chẳng phải là chẳng thiện, chẳng có đối tượng, là đạo xuất thế do quả báo mà thành. Do đó, bậc A-la-hán cùng bậc A-na-hàm nhập vào định mà thành mãn được quả chánh thọ.

Lại có thuyết cho rằng, các bậc Thánh nhơn có thể khiến khởi lên quả chánh thọ. Như A-tỳ-đàm (= *Abhidhamma, Luận Tạng*) có nói: "Đề đắc được Tu-đà-huàn đạo, quả chánh thọ trừ *sanh*, nên gọi là đó là *tánh trừ*." (...)

Lại còn có thuyết cho rằng, chỉ các bậc Thánh nhơn đã diệt trừ xong hết các lậu hoặc, mới khởi lên đầy đủ định này, như Trưởng lão Na la đã có nói với chư Tỳ-kheo: "Vị như giữa rừng cây trên núi, có một **giếng nước sâu** mà chẳng có dây gàu để kéo nước lên. Bấy giờ có một người đang dang nạng, khát nước và mệt mỏi, nhìn thấy giếng nước, nhưng thân chẳng làm sao múc nước được. Tôi đây cũng thế, biết rõ và khéo thấy như thật rằng, *hữu* này diệt tận tức là Niết-bàn, nhưng tôi còn chưa phải là bậc A-la-hán, đâu đã trừ xong hết các lậu hoặc."

*Hỏi:* Vì sao khiến khởi lên chánh thọ?

*Đáp:* Vì hiện thấy rõ Chánh pháp nên muốn trú vào cảnh giới an lạc. Như Thế tôn có dạy Đại Đức A-nan: "Này A-nan, vào lúc ấy, Như lai chẳng tác ý tất cả mọi tướng, chỉ diệt thọ khiến tâm vô tướng an trú trong định. Lúc bấy giờ, này A-nan, thân Như lai thành an ổn."

*Hỏi:* Làm cách nào để khởi lên chánh thọ?

*Đáp:* Người tọa thiền đi đến nơi yên vắng, hoặc ngồi, hoặc nằm, muốn đắc được quả chánh thọ, quán tưởng về sự khởi sanh và sự tiêu diệt của chư hành, cho chí đến tánh trừ trí. Chẳng gián đoạn, tánh trừ trí liền khiến an trú vào quả chánh thọ nơi Niết-bàn. Y theo thiền này thì thành tựu được Đạo, đó là tác dụng của thiền này, nên gọi là quả chánh thọ.

*Hỏi:* Tác ý như thế nào?

*Đáp:* Do theo sự an tịch mà tác ý về quả Niết-bàn vô vi thì quả chánh thọ được thành tựu.

*Hỏi:* Nhờ nhân duyên nào mà khởi lên và an trú vào quả chánh thọ?

*Đáp:* Quả chánh thọ có hai nhân duyên: chẳng tác ý về tất cả mọi tướng, chỉ tác ý nơi vô tướng giới. Có ba nhân duyên để an trú được vào quả chánh thọ: chẳng tác ý về tất cả mọi tướng, tác ý về vô tướng giới, và có sự chuẩn bị trước. Có hai nhân duyên để xuất ra khỏi quả chánh thọ: tác ý về tất cả mọi tướng, chẳng tác ý về vô tướng giới.

*Hỏi:* Quả chánh thọ là định thể gian hay xuất thể gian?

*Đáp:* Quả đó là chánh thọ xuất thể, chẳng phải là định thể gian.

*Hỏi:* Bực A-na-hàm hiện quán quả định, tại sao tánh trừ trí chẳng sanh ngay liền A-la-hán đạo?

*Đáp:* Chẳng sanh vì chưa đến nơi, sức quán kiến còn yếu ớt. Do đó mà có hai quả khác nhau: (1) thắng quả thì thành có đạo và có quả của *tánh trừ trí*, vì hiện tác chứng; (2) nhập quả định thành chẳng có đạo, và theo diệt định khởi thành chẳng có quả *tánh trừ*.

*Quả chánh thọ chấm dứt.*

*Hỏi:* Thế nào là **Định diệt thọ tướng**?

*Đáp:* Chẳng sanh khởi tâm và các tâm sở, đó gọi là *Định Diệt thọ tướng*.

*Hỏi:* Ai khởi lên được Định Diệt thọ tướng?

*Đáp:* Bực A-la-hán và A-na-hàm khởi lên đầy đủ Định Diệt thọ tướng.

*Hỏi:* Ai chẳng có khả năng khởi lên Định ấy?

*Đáp:* Kẻ phàm phu, bực Tu đà hườn, Tu-đà-hàm và những người sanh cõi vô sắc giới. Vì chẳng cùng chung một cảnh giới, nên kẻ phàm phu chẳng thể khởi lên Định Diệt thọ tướng. Bực Tu-đà-hườn và Tu-đà-hàm, vì chưa đoạn trừ hết các phiền não làm chướng ngại, nên cũng chẳng thể khởi lên Định ấy. Vì chẳng cùng chung một cảnh giới nên các người sanh cõi vô sắc giới, cũng chẳng thể khởi lên Định ấy.

*Hỏi:* Có đủ bao nhiêu lực mới khởi lên được Định ấy?

*Đáp:* Cần có đủ hai lực này mới khởi lên Định Diệt thọ tướng được: định lực (= *Xa-ma-tha*) và huệ lực (= *Ti-bà-xá-na*). Như vậy, dùng định lực là do nhập định được tự tại. Dùng huệ lực là đã thuần thục trong bảy pháp quán. Bảy pháp quán đó là những gì? Quán về vô thường, về Khô, về vô ngã, về sự nhảm chán, về sự vô nhiễm (= chẳng nhuộm dơ), về sự tiêu diệt, về sự xuất ly (= rời xa). *Định lực* (= *Xa-ma-tha*) làm cho các thiên chi diệt đi và làm cho được giải thoát bất động. *Huệ lực* (= *Ti-bà-xá-na*) khiến thấy được các lỗi lầm của sự sanh và đắc được vô sanh giải thoát.

*Hỏi:* Phải trừ bao nhiêu hành động để khởi lên Định?

*Đáp:* Trừ ba hành động sau đây để khởi lên Định: hành động của miệng, của thân và của tâm. Như thế, nhập được vào Nhị thiên, thì giác và quán về hành động của miệng lấy đó làm chỗ phải trừ. Nhập vào Tứ thiên, hơi thở ra, hơi thở vào của thân hành làm chỗ phải trừ. Nhập vào Định Diệt thọ tướng, thì thọ, tưởng, và tâm hành là chỗ phải trừ.

*Hỏi:* Trước cần phải làm những việc gì?

*Đáp:* Trước cần phải tuân hành bốn điều: (1) áo cà-sa, bình bát, để trong bọc, cần phải giữ gìn; (2) các phương tiện và vật dụng thường dùng chằng để lộn xộn, (3) bảo vệ thân sức, xét việc làm cho xứng với sức mình, lấy ngày tháng mà phân biệt thuở xa xưa; (4) xét sự việc cho phải thời, như chưa tới giờ hội họp chúng Tăng thì cứ ngồi lại, đợi lúc kêu tên. Như thế điều (1) là để giữ áo cà-sa; các điều (2) và (3) là để phòng hộ thân thể, và điều (4) là để chằng phương hại đến sự hoà hiệp của Tăng đoàn. Như thế là để an trú vào vô sở hữu xứ, hoặc làm xong các điều cần làm nêu trên, rồi nhập Sơ thiền.

*Hỏi:* Tại sao lại khiến khởi lên Định ấy?

*Đáp:* Vì muốn được trú vào an lạc ngay trong hiện tại. Vì đây là Định tối hậu của các bậc Thánh non trong cảnh bất động. Lại vì muốn đắc thân thông, nhập vào Định rộng rãi, như trường hợp của Trưởng lão A-la-hán *Sanjiva*. Lại cũng vì để phòng thủ thân như trường hợp của các Trưởng lão Xá-lợi-phất (*Sariputta*), Bạch lộ tử Đề-sa (*Tissa*).

*Hỏi:* Làm cách nào để khởi lên Định ấy?

*Đáp:* Người tọa thiền đi đến trú nơi yên vắng, hoặc ngồi, hoặc nằm, vui muốn nghĩ đến ý tưởng về Diệt, vui muốn nhập vào Diệt định, rồi nhập vào Sơ thiền, kế xuất ra được an tưởng, liền thấy chẳng gián đoạn được thiền đó và vô thường, khổ, vô ngã cho đến khi trí có niệm xả đối với tất cả chư hành. Khi ấy, lần lượt từ các cõi Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Hư-Không-xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, người theo thứ lớp nhập vào và xuất ra được an tưởng, liền thấy, chẳng gián đoạn, Chánh định, vô thường, khổ, vô ngã, cho đến niệm xả đối với tất cả chư hành. Vào lúc ấy, người liền, chẳng gián đoạn, nhập vào phi phi tưởng xứ, và theo đó hoặc hai lần, hoặc ba lần, khởi lên tâm phi phi tưởng; tâm ấy khởi xong, liền khiến nó diệt đi, khi tâm ấy đã diệt liền nhập vào cảnh giới chẳng sanh, chẳng hiện, đó gọi là nhập vào *Diệt thọ tưởng Định*.

*Hỏi:* Làm thế nào để theo đó trú trong Định ấy?

*Đáp:* Người tọa thiền chẳng nên tác ý như vậy: "Tôi sẽ xuất ra, trở lại lúc ban đầu đã làm những gì." (...)

*Hỏi:* Tâm như thế nào khi đã xuất Định?

*Đáp:* Bực A-na-hàm tâm xuất ra nơi quả A-na-hàm; bực A-la-hán, tâm xuất ra nơi quả A-la-hán.

*Hỏi:* Khi xuất Định xong, tâm ở vào nơi nào?

*Đáp:* Tâm chuyên duyên theo sự an tịch.

*Hỏi:* Tâm đã tiếp xúc với những nơi nào?

*Đáp:* Có ba nơi đã tiếp xúc được: tiếp xúc với Không, với vô tướng và với vô tác (= vô nguyện).

*Hỏi:* Khi mới xuất ra, theo hành động nào?

*Đáp:* Theo thân hành và và theo khẩu hành.

*Hỏi:* Người chết và người nhập Diệt thọ tưởng Định khác nhau ra sao?

*Đáp:* Người chết thì ba hành động ở thân, miệng và ý chấm dứt chẳng hiện ra nữa, thọ mạng đã dứt, sức nóng hết, các căn mất. Người nhập Định Diệt thọ tướng ba hành động ở thân, miệng, ý mất đi, nhưng chẳng mất thọ mạng, sức nóng vẫn còn, các căn chẳng đổi khác. Đó là chỗ sai biệt.

*Hỏi:* Định Diệt thọ tướng là hữu vi hay vô vi?

*Đáp:* Chẳng thể nói Định ấy hữu vi hay vô vi được.

*Hỏi:* Tại sao thế?

*Đáp:* Pháp hữu vi, nơi Định này, thì chẳng có. Xuất ra và nhập vào pháp vô vi, thì cũng chẳng thể biết được. Vì thế, chẳng thể nói Định này là hữu vi hay vô vi.

*Diệt thiên định chấm dứt.*

**(Giải Thoát Đạo Luận: Phẩm 12; Phân biệt Đế chấm dứt)**

-ooOoo-

Sau đây là số thứ tự các Phẩm:

- 1) Nhân duyên
- 2) Giới
- 3) Đầu-đà
- 4) Phân biệt về Định
- 5) Tìm gặp Thiện tri thức
- 6) Phân biệt về Tánh hạnh
- 7) Phân biệt về Hành xử
- 8) Hành môn
- 9) Năm Thân thông
- 10) Phân biệt về Huệ
- 11) Năm Phương tiện
- 12) Phân biệt về Đế.

Đó là 12 Phẩm theo thứ tự của ***Giải-Thoát-Đạo Luận***.

Có Kệ rằng:

*Vô lượng, vô biên, chẳng chi bằng,  
Lời hay khéo nói chẳng thể bàn.  
Nơi pháp này, ai người siêng biết?  
Chỉ năng ngồi thiền mới thọ trì.  
Đạo vi diệu khéo hành Giáo pháp,  
Dứt xong lậu hoặc, là vô minh.*

**(Giải Thoát Đạo Luận: Quyển 12 chấm dứt)**

-----\*

**Thiện Nhựt**  
Phòng dịch xong ngày 28 tháng 5, 2003

-ooOoo-



[Đầu trang](#) | [Mục lục](#)

Phần Chánh văn: [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [07](#) | [08.1](#) | [08.2](#) | [08.3](#) | [08.4](#) | [08.5](#) | [09](#) | [10](#) | [11](#) | [12](#)  
Phần tìm hiểu: [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [07](#) | [08.1](#) | [08.2](#) | [08.3](#) | [08.4](#) | [08.5](#) | [09](#) | [10](#) | [11](#) | [12](#) | [Tổng kết](#)

*Chân thành cảm ơn Cư sĩ Thiện Nhựt đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 01-2004)*

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

*last updated: 16-01-2004*